



CÔNG TY CỔ PHẦN XNK Y TẾ DOMESCO
DOMESCO

DOMESCO MEDICAL IMPORT EXPORT JOINT-STOCK CORP.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MÃ CHỨNG KHOÁN: DMC

2011



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

DOMESCO

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP.....	4
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT	16
GIỚI THIỆU CÔNG TY	18
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	35
BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	40
THÔNG TIN CÔ ĐÔNG.....	42

*** TÔN CHỈ :**

1. Cân bằng minh bạch hài hòa giữa quyền lợi của các cổ đông (bao hàm cả cổ đông nhiều vốn và ít vốn) và quyền lợi người lao động trong khuôn khổ tuân thủ luật pháp.
2. Lấy lợi nhuận hợp pháp và gia tăng giá trị công ty mà khách hàng là trung tâm làm nền tảng.

*** PHƯƠNG CHÂM :**

1. Sống và làm việc theo pháp luật.
2. Hiệu quả là tiêu chí duy nhất để đánh giá Doanh nghiệp mà năng suất và kỹ năng làm việc là mũi xung kích.
3. Lấy sản xuất làm nền tảng cho phát triển trong đó xuất khẩu sản phẩm là kim chỉ nam.
4. Chất lượng sản phẩm là quyết định và không ngừng sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao nhằm gia tăng hàm lượng tri thức ngày càng mang tính chủ đạo.
5. Chuyển dịch cơ cấu công nghệ tiên tiến trong mọi lĩnh vực để tạo lợi thế trên thương trường
6. Đưa thương hiệu DOMESCO đi vào lòng người là động lực của thành công.

*** TÂM NHÌN**

- Xu hướng người tiêu dùng thiên về dự phòng, vì vậy công ty sẽ chú trọng sâu sắc đến gam hàng thực phẩm chức năng.

- Với nguồn dược liệu phong phú trong nước, DOMESCO sẽ tập trung phát triển và hiện đại hóa công nghệ chiết xuất và sản xuất thuốc từ dược liệu.

- Cùng ngày các căn bệnh thời đại càng phát triển, vì vậy công ty sẽ tập trung vào các nhóm bệnh: tim mạch, tiểu đường, thần kinh, cơ xương khớp, nội tiết và kháng ung thư làm bước đột phá.

*** SỨ MỆNH:**

- Mang sức khỏe đến với mọi người bằng nhiều phương tiện hữu hiệu.

- Tầng lớp nghèo và trung lưu còn nhiều, công ty có sứ mệnh chăm sóc họ bằng những sản phẩm có chất lượng cao nhưng giá thành thật hợp lý

*** GIÁ TRỊ CỐT LÕI:**

Sống và làm việc tuân thủ theo pháp luật và đường lối, chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Hoạt động vì chất lượng cuộc sống của mọi người nhất là bệnh nhân

Lấy sáng tạo và công nghệ tiên tiến làm nền tảng cho phát triển bền vững

Tạo sự khác biệt cao về giá trị gia tăng trong sản phẩm và dịch vụ làm lợi thế cạnh tranh

Luôn hài hòa quyền lợi giữa các cổ đông và người lao động

Lấy văn hóa doanh nghiệp làm bản sắc then chốt trong việc thu hút và giữ chân nhân tài.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2010, đất nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hậu quả của suy thoái toàn cầu, hậu quả của thiên tai, lũ lụt, những biến động bất thường và trái chiều của nền kinh tế trong nước và thế giới... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù đối đầu với những khó khăn nêu trên nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn tăng trưởng so với 2009 là 6,429 tỷ đồng tỷ lệ tăng 8,42% . Mặt khác, năm 2009 lợi nhuận sau thuế của Công ty có khoản thu nhập từ bán tài sản căn nhà 190B, đường 3/2, Q.10, TP.HCM là 6 tỷ đồng. Như vậy LNST từ hoạt động kinh doanh năm 2010 tăng so với năm 2009 là 12,429 tỷ đồng. Cụ thể, năm 2010, doanh thu đạt 1.113,1 tỷ đồng, tương đương tăng 3,84% so với cùng kỳ năm 2009; trong đó, doanh thu hàng sản xuất đạt 641 tỷ đồng, tăng 7,77% so với cùng kỳ năm 2009. Lợi nhuận trước thuế đạt 113,4 tỷ đồng, tương đương tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2009. Lợi nhuận sau thuế đạt 82,8 tỷ đồng, tăng 8,4% so với năm 2009.

Đạt được kết quả trên, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra nhiều biện pháp và các giải pháp cấp bách như thắt chặt chi phí, tạo sự khác biệt hóa sản phẩm, kịp thời nắm bắt và khai thác có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp, kiện toàn hệ thống phân phối, huy động các nguồn lực để kích cầu đầu tư, linh hoạt trong điều hành thực tế... Tuy doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cao nhưng chúng ta vẫn chưa hài lòng về kết quả này so với chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội Cổ đông đã đề ra.

Năm 2011, dự báo tình hình kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn và tình hình kinh tế vĩ mô trong nước còn nhiều biến động, trên cơ sở các mục tiêu chiến lược và giải pháp cơ bản để phát triển doanh nghiệp 2011 - 2015 của Công ty và để thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của năm 2011, Công ty sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, đồng tâm hiệp lực cùng Nhà nước về thực hiện mọi chủ trương nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định và phát triển kinh tế.

Thứ hai, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh theo chiến lược khác biệt hóa và giảm phí làm nền tảng cho doanh nghiệp phát triển bền vững.

Thứ ba, tập trung mọi nỗ lực để thúc đẩy đầu tư then chốt có hiệu quả nhằm kích thích tăng trưởng và mở rộng thị trường xuất khẩu; thực hiện tốt chính sách tài chính, đồng thời kêu gọi, khuyến khích mọi nguồn lực đầu tư để phát triển sản xuất kinh doanh

Thứ tư, đảm bảo an sinh cho người lao động.

Thứ năm, nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý của cán bộ cấp trung trong việc lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Thứ sáu, cần thể hiện được sức mạnh của hệ thống quản lý, bản lĩnh và năng lực của cán bộ trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình.

Với sự lãnh chỉ đạo sâu sát của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, cùng với sự đồng lòng, nhiệt huyết và truyền thống đoàn kết của tập thể CB. CNLĐ trong toàn Công ty, Domesco sẽ quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của năm 2011 đã đề ra.

Tình hình thực hiện năm 2010

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2009	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
Doanh thu chung (triệu đồng)	1.043.439	1.200.522	1.067.897	86,9%	97,7%
Doanh thu hàng sản xuất	630.763	805.310	594.735	78,3%	106,1%
Doanh số hàng khác	412.221	395.212	477.160	104,3%	86,4%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	113.388	130.518	112.188	86,9%	101,1%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	82.792	97.888,50	76.362	84,6%	108,4%
EPS (đồng)	4.730	5.500	4.349	86,0%	108,8%
Cổ tức (đồng/cổ phiếu)	2.200	2.200	2.000	100%	110%

Kế hoạch Kinh doanh năm 2011

Tiêu chí (triệu đồng)	Kinh Doanh			Sản xuất – Xuất khẩu		Tổng cộng
	Kinh doanh – Dịch vụ	Kinh doanh – XNK	Nguyên liệu	Xuất khẩu	Hàng Sản xuất	
Kế hoạch	88.5550,68	121.060	127.500	26.000	784.070	1.147.180.68
Sản xuất				20.000	748.470	
Kinh doanh				6.000	35.600	
Dịch vụ phí	3.600					
% Doanh thu	7,72%	10,55%	11,11%	2,27%	68,35%	100,00%

Một số Chỉ tiêu chính

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2010	% tăng trưởng so với cùng kỳ
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	136.528	113.388	+20%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	98.300	82.792	+19%
Cổ tức (%)	22%	22%	-
EPS (đồng)	5.520	4.730	+ 17%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010

Tổng quan hoạt động kinh doanh trong năm 2010

Doanh thu

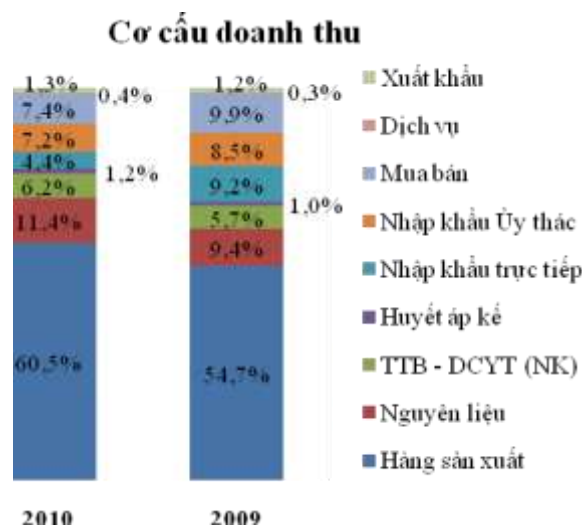
Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Doanh thu thuần				
Doanh thu chung	1.043.439	1.067.897	(24,458)	-2,29%
Doanh thu kinh doanh	394.364	467.297	(72.933)	-15,61%
Doanh thu hàng sản xuất	630.763	583.922	46.841	8,02%
Doanh thu xuất khẩu	14.080	13.160	920	6,99%
Dịch vụ	4,233	3.519	714	20,30%

Doanh thu của Công ty trong năm 2010 đạt 1.043,439 tỷ đồng, giảm 2,29% so với năm 2009, trong đó chủ yếu do sụt giảm mạnh ở hàng kinh doanh. Sự suy giảm này được lý giải từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, cụ thể là: (1) Sự bất ổn trong tình hình kinh tế vĩ mô nói chung như sự biến động liên tục của tỷ giá ngoại tệ và lãi suất ngân hàng, giá nguyên vật liệu tăng cao, cũng như sức ép cạnh tranh từ các đối thủ cùng ngành gia tăng; (2) Việc quản lý và phát triển hệ thống phân phối, khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh từ việc xây dựng thương hiệu và tạo sự khác biệt trong sản phẩm tự sản xuất và nguồn nhân lực chưa đáp ứng kịp thời cho nhu cầu kinh doanh; (3) Công ty thay đổi một số chính sách bán hàng, dẫn đến cách ghi nhận kế toán của một số khoản mục bị thay đổi. Cụ thể là chi phí chiết khấu bán hàng được khấu trừ trực tiếp trên hóa đơn làm giảm trừ doanh thu thay vì chi phí bán hàng, do đó làm giảm doanh thu thuần của công ty khoảng 70 tỷ.

Mặc dù vậy, tín hiệu tích cực là doanh thu hàng sản xuất của Công ty vẫn tăng được 8,02% so với 2009, tăng tỷ trọng hàng sản xuất trong tổng doanh thu lên 60,5% so với tỷ trọng của năm ngoái.

Doanh thu theo nhóm hàng

Tỷ trọng doanh thu theo nhóm hàng trên tổng doanh thu năm 2010 có một số thay đổi nhưng không nhiều, trong đó chiếm tỷ trọng cao nhất là hàng sản xuất với tỷ trọng là 60,45%, vượt chỉ tiêu kế hoạch (60% tổng doanh thu) và tăng 5,77% so với cùng kỳ (54,68%). Sự dịch chuyển tỷ trọng doanh thu về các mặt hàng sản xuất một phần cũng nhờ sự sụt giảm của hàng kinh doanh và đồng thời chứng tỏ các sản phẩm của Công ty đã dần được thị trường chấp nhận. Về dài hạn, việc gia tăng tỷ trọng hàng sản xuất sẽ giúp công ty duy trì tỷ suất lợi nhuận gộp cao và cạnh tranh



với các công ty dược phẩm khác trong ngành.

Xuất khẩu

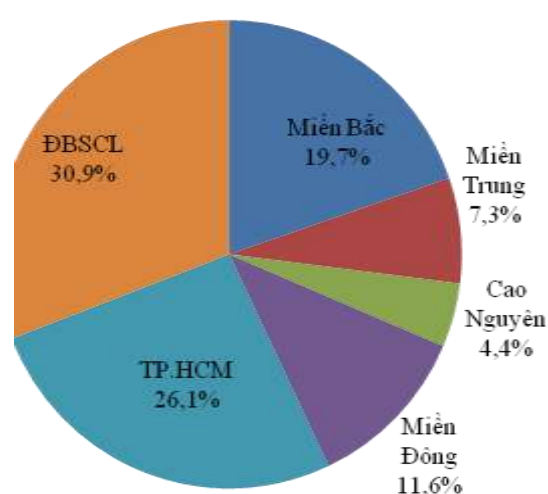
Về hoạt động xuất khẩu, trong năm 2010, doanh số tiêu thụ tại thị trường nước ngoài của công ty tiếp tục phát triển, chiếm 1,35% doanh thu thuần và tăng 6,99% so với cùng kỳ. Doanh thu xuất khẩu vào thị trường Myanmar phát triển khá mạnh nhờ vào thành công của việc khai thác hiệu quả hệ thống bán lẻ tại thị trường này. Tuy nhiên, doanh thu xuất khẩu vẫn chưa đạt được chỉ tiêu đề ra do Công ty còn trong bước đầu tìm hiểu và làm quen với các thị trường mới nên vẫn còn phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đặt hàng của các đối tác và chưa kiểm soát được về giá.

Thị phần và Thị trường tiêu thụ

Theo số liệu báo cáo thống kê của Cục Quản lý Dược (tạm tính), tổng trị giá thuốc sử dụng trong cả nước đạt 1,938 tỉ USD, trong đó thuốc sản xuất trong nước là 950 triệu USD, Công ty DOMESCO chiếm 2,95% thị phần về tiền thuốc sản xuất trong nước và 3,59% về hàng sản xuất trong nước. Trong đó, thị trường chủ yếu của Công ty vẫn tập trung tại ba khu vực là Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), TP.HCM và Miền Bắc, chiếm hơn 76% tổng doanh thu.

Trong năm 2010, Công ty đã thành công trong việc mở rộng thị phần tại các tỉnh phía Bắc và duy trì thị phần tại các thị trường truyền thống là ĐBSCL và TP.HCM mặc dù phải chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các đối thủ cùng ngành.

Cơ cấu Doanh thu Hàng sản xuất (2010)



Lợi nhuận gộp

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Lợi nhuận gộp				
Lợi nhuận gộp	315.162	317.602	(2.440)	-0,77%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần	30,20%	29,74%		0,46%
Tỷ suất lợi nhuận gộp theo nhóm hàng /Doanh thu				
Nhóm hóa dược do công ty sản xuất	44,26%	46,71%		-2,45%
Nhóm dược liệu do công ty sản xuất	99,40%	92,13%		7,27%
Hàng kinh doanh	7,75%	9,22%		-1,47%
Nhóm thực phẩm	22,75%	36,46%		-13,71%

Lợi nhuận gộp trong năm 2010 của Công ty đạt 315.162 tỷ đồng, giảm 0,77% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp đã được cải thiện và tăng 0,46% so với năm 2009. Điều này đạt được là nhờ Công ty đã thực hiện Chiến lược đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm được do Công ty tự sản xuất và giảm dần tỷ trọng của nhóm doanh thu bán hàng hóa. Các mặt hàng sản xuất của Công ty có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn so với các nhóm hàng khác, bình quân đạt khoảng 45 - 55%.

Xét theo nhóm hàng, tỷ suất lợi nhuận gộp của sản phẩm thuốc của công ty tăng 3% so với năm 2009, đây là yếu tố chính đóng góp vào sự tăng trưởng lợi nhuận gộp của công ty. Tuy nhiên, các nhóm hàng khác đều chịu sự sụt giảm về tỷ suất lợi nhuận gộp, đặc biệt là nhóm hàng kinh doanh , hàng rượu và nước tinh khiết. Điều này là do tỷ giá , chi phí nguyên vật liệu và chi phí đầu vào tăng lên trong khi giá bán khó có thể điều chỉnh tăng tương ứng do sức ép cạnh tranh từ các sản phẩm tương tự trên thị trường.

Hoạt động tài chính

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Doanh thu hoạt động tài chính	7.918	7.804	114	1,46%
Chi phí tài chính	20.038	7.109	12.929	181,86%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>14.033</i>	<i>5.154</i>	<i>8.880</i>	<i>172,30%</i>
Tỷ suất chi phí tài chính/doanh thu thuần	1,92%	0,67%		1,26%

Trong năm, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty có thay đổi không đáng kể, tăng 1,46% so với năm 2009. Tuy nhiên, chi phí tài chính tăng đến 181,86% so với cùng kỳ, chủ yếu là do sự gia tăng chi phí lãi vay do Công ty đã tăng khoản nợ vay ngắn hạn từ 70,8 tỷ lên 112 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vào nguồn vốn lưu động và lãi suất vay bình quân tăng như sau:

- Lãi suất vay tín chấp tại ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam đối với VND lãi suất từ 9,9%/năm đến 11,4%/năm, thời hạn vay 12 tháng, để sử dụng thanh toán tiền hàng
- Đối với khoản vay tín chấp từ 1 đến 6 tháng tại ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất vay VND 12%/năm và vay USD là 4,4%/năm
- Đối với khoản vay của cty CP Domedic, đây là khoản vay tín chấp với lãi suất 9,5%/năm
- Vay tín chấp của các cá nhân không kỳ hạn với lãi suất 1%/tháng
- Ngoài ra còn các khoản vay dài hạn tại ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với lãi suất 13,5%/năm thời hạn 60 tháng, và ngân hàng Phát Triển Việt Nam- Chi Nhánh Đồng Tháp với lãi suất 6,9%/năm thời hạn 5 năm.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý

Khoản mục	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
-----------	----------------	----------------	----------------------------	------------

Chi phí bán hàng				
Chi phí bán hàng	98.654	120.152	(21.498)	-17,89%
Tỷ suất chi phí bán hàng/doanh thu thuần	9,45%	11,25%		-1,80%
Chi phí quản lý				
Chi phí quản lý	91.096	93.891	(2.795)	-2,98%
Tỷ suất chi phí quản lý/ doanh thu thuần	8,73%	8,79%		-0,06%

Chi phí bán hàng của Công ty năm 2010 giảm 17,89% so với cùng kỳ và chi phí bán hàng trên tổng doanh thu thuần trong năm 2010 giảm so với cùng kỳ là 1,80%. Do trong năm 2010, Công ty đã điều chuyển các khoản chiết khấu thương mại từ chi phí bán hàng sang các khoản giảm trừ doanh thu (năm 2010: 69,6 tỷ, năm 2009: chỉ 4 tỷ đồng), nên chi phí bán hàng của Công ty đã được giảm tương ứng. Ngoài ra, các khoản mục như chi phí vật liệu bao bì, chi phí dịch vụ mua ngoài cũng được tiết giảm một phần so với năm 2009.

Tỷ suất chi phí quản lý trên doanh thu thuần trong năm 2010 là 8,73% và giảm nhẹ so với cùng kỳ là 0,06%. Nguyên nhân của việc tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2009 là do trong năm 2010, Công ty đã tiến hành đổi mới công tác hậu cần, quy trình vận hành và kiểm tra chất lượng doanh nghiệp thông qua chương trình 6 sigma. Công ty cũng bắt đầu ứng dụng tin học vào các hoạt động quản trị thông qua hệ thống Enterprise Resource Training (ERP) kèm theo tiết giảm các khoản chi phí không thật cần thiết khác.

Lợi nhuận khác

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Thu nhập khác	99	12.973	(12.875)	-99,24%
Chi phí khác	3	5.039	5.036	-99,94%
Lợi nhuận khác	96	7.934	(7.839)	-98,79%

Lợi nhuận khác của công ty trong năm 2010 là 96 triệu, giảm gần 99% so với cùng kỳ do trong năm 2009 việc công ty thực hiện bán căn nhà 666/1 Đường 3 tháng 2, phường 14, Quận 10, Tp.HCM không có nhu cầu sử dụng mang về khoản lợi nhuận bất thường rất lớn là 8,1 tỷ đồng.

Thuế và thuế suất

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Thuế TNDN	30.596	35.826	(5.230)	-14,60%
Thuế suất (Thuế/Lợi nhuận trước thuế)	27%	32%		-4,95%

Hiện tại, Công ty được hưởng thuế suất 20% đối với hoạt động sản xuất và phải chịu thuế suất 25% đối với các hoạt động khác. Trong năm 2010, Chi phí thuế TNDN là 30,6 tỷ đồng, giảm 14,6% so với cùng kỳ. Thuế suất thực tế cũng giảm xuống còn 27% so với 32% trên doanh thu trong năm 2009, do ảnh hưởng của việc điều chỉnh các khoản chi phí không được trừ vào phần lợi nhuận tính thuế. Trong năm 2010 Các bộ phận của công ty đã thực hiện tốt hơn việc định mức các chi phí hợp lý, hợp lệ. Do đó, khoản chi phí không hợp lệ theo thông tư 130 giảm bớt và làm tăng thêm Lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm 2009.

Lợi nhuận thuần

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	315,162	317,602	(2,440)	-0.77%
Lợi nhuận thuần	113,292	104,254	9,038	8.67%
Tỷ suất lợi nhuận thuần/Doanh thu (%)	10.86 %	9.76%		1.10%

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2010 của Công ty đạt 113,292 tỷ đồng, tăng 8,67% so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu thuần năm 2010 đạt 10,86% và tăng 1,10% so với cùng kỳ. Doanh thu giảm so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận thuần lại tăng so với cùng kỳ nhờ vào thành công của chiến lược điều chỉnh cơ cấu doanh thu để tập trung vào các mặt hàng sản xuất có lợi nhuận cao.

Tài sản cố định

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Tài sản cố định hữu hình	181.295	130.454	50.841	38,97%
Tài sản cố định vô hình	38.154	37.979	175	0,46%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23.490	53.637	(30.147)	-56,21%

Trong năm 2010, tài sản cố định hữu hình tăng 39 % từ 130 lên 181 tỷ đồng, chủ yếu là do Công ty đã hoàn tất và chuyển giao phần giá trị xây dựng và các thiết bị lắp đặt của nhà máy sản xuất thuốc nguồn gốc dược liệu từ khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang vào khoản mục Tài sản cố định của Công ty. Tài sản cố định vô hình không thay đổi đáng kể, tăng từ 38 tỷ lên 38,1 tỷ đồng.

Vốn lưu động

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Phải thu khách hàng	178.312	194.074	(15.761)	-8,12%
Hàng tồn kho	199.461	167.377	32.084	19,17%

Phải trả khách hàng	42.640	72.397	(29.757)	-41,10%
Chu kỳ kinh doanh (ngày)	131	104		27
Số ngày phải thu trung bình	65	58		7
Số ngày tồn kho trung bình	92	78		14
Số ngày phải trả trung bình	29	33		(4)

Trong năm 2010, các khoản phải thu khách hàng giảm từ 194 tỷ xuống còn 178 tỷ đồng, tương đương giảm 8,12%. Đồng thời, các khoản phải trả người bán cũng giảm từ 72,4 tỷ xuống còn 42,6 tỷ đồng, tương đương giảm 41,2%. Sự thay đổi trong các khoản vốn lưu động này là do trong năm 2010 ta tập trung vào thu nợ và nhất là dịp cuối năm chúng ta tích cực thu nợ, kèm theo chương trình hậu mãi cho khách nếu khách hàng thanh toán trước hạn. Khoản mục hàng tồn kho trong năm tăng từ 167 tỷ lên 199 tỷ đồng, chủ yếu là do công ty chủ động gia tăng dự trữ nguồn nguyên vật liệu sản xuất phòng ngừa sự biến động bất thường của tỷ giá đảm bảo giá thành kế hoạch của sản phẩm sản xuất ra trong năm 2011 trong điều kiện chưa tăng được giá bán do chính phủ kiểm chế lạm phát.

Xét về hiệu quả hoạt động, số ngày phải thu và số ngày tồn kho trung bình của Domesco trong năm 2010 đều cao hơn cùng kỳ, trong khi số ngày phải trả trung bình lại bị rút ngắn, khiến cho chu kỳ kinh doanh của Công ty dài hơn 27 ngày so với năm 2009. Điều này là do mặt bằng lãi suất biến động liên tục, khiến một số khách hàng có khuynh hướng chiếm dụng vốn và chậm thanh toán cho Domesco, tuy nhiên công ty vẫn phải chủ động thanh toán cho các nhà cung cấp để giữ uy tín và phòng ngừa sự biến động mạnh của tỷ giá trong năm 2011 nên làm cho số ngày phải trả trung bình giảm 4 ngày (chủ yếu là các khoản nợ có gốc ngoại tệ). Số ngày tồn kho cũng kéo dài do công ty chủ động dự trữ nguyên liệu sản xuất với nguồn giá hợp lý và tỷ giá hợp lý.

Đầu tư tài chính

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Đầu tư vào công ty con	4.500	-	4.500	n/a
Đầu tư vào công ty liên kết	73.570	73.570	-	0,00%

Trong năm 2010, Công ty Domesco đã thực hiện việc góp vốn thành lập Công ty con là Công ty TNHH Domenol với giá trị đầu tư là 4,5 tỷ đồng, Domenol đang trong quá trình xây dựng nên không có phát sinh doanh thu trong năm 2010. Các khoản đầu tư vào ba công ty liên kết với giá trị đầu tư là 73,6 tỷ đồng không thay đổi so với năm 2009.

Vay nợ ngắn hạn và dài hạn

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Vay nợ ngắn hạn	112.983	70.820	42.163	59,54%
Vay nợ dài hạn	24.085	11.541	12.544	108,69%
Tổng nợ vay chịu lãi	137.068	82.361	54.707	66,42%
Tổng nợ vay chịu lãi/Vốn CSH (lần)	0,25	0,17		
Lợi nhuận trước lãi vay/Chi phí lãi vay (lần)	9,1	21,2		

Trong năm, Công ty đã gia tăng các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn với ngân hàng. Tổng nợ vay tăng 55 tỷ đồng trong năm 2010, cao hơn 66,4% so với cùng kỳ. Các khoản nợ vay này nhằm tài trợ cho nguồn vốn lưu động của công ty, chủ yếu là thanh toán cho các nhà cung cấp để dự trữ hàng hóa dự báo tình hình gia tăng giá đầu vào và tỷ giá biến động vào năm 2011. Việc gia tăng các khoản vay khiến chỉ số đòn bẩy nợ tăng so với cùng kỳ, tuy nhiên, cơ cấu vốn của Công ty vẫn được giữ ở mức rất an toàn (tổng nợ vay chịu lãi chỉ chiếm 25% vốn chủ sở hữu) và khả năng thanh toán lãi vay vẫn được duy trì ở mức cao (9,1 lần).

Vốn và cổ tức

Khoản mục (triệu đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Giá trị thay đổi tuyệt đối	Tăng/ giảm
Vốn chủ sở hữu	178.093	178.093	-	0,00%
Cổ phiếu quỹ (305.817 cp)	(15.737)	(15.737)	-	0,00%
Cổ tức trên 1 cổ phiếu (đồng)	2.200	2.000	200	10,00%

Trong năm 2010, Công ty không có đợt tăng vốn điều lệ nào và cũng không có hoạt động mua bán làm thay đổi số lượng cổ phiếu quỹ đang nắm giữ.

Công ty thực hiện chia cổ tức cho cổ đông năm 2010 theo tỷ lệ 22%, tăng 10% so với tỷ lệ chia cổ tức của năm 2009 và đã thực hiện đợt 1 là 1.000 đ/cp tức 10%, phần còn lại là 1.200 đ/cp tức 12% sẽ thanh toán trong Quý 2/2011.

Những thay đổi chủ yếu trong năm

Tái cấu trúc, mở rộng quy mô sản xuất, cải tiến quy trình hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh

Trong năm 2010, do ảnh hưởng bởi tình hình khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, Công ty đã tái cấu trúc lại các hoạt động của mình và điều chỉnh kế hoạch và lộ trình thực hiện các dự án cho linh hoạt và phù hợp với từng thời kỳ. Các dự án được triển khai trong năm 2010 được tập trung vào việc mở rộng quy mô sản xuất, cải tiến quy trình hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Đối với hoạt động đầu tư, dự án tiêu biểu được triển khai trong năm là Nhà máy Chiết xuất Nguyên liệu dược liệu. Dự án được thực hiện nhằm chủ động cung cấp nguồn nguyên liệu cho nhà máy sản xuất thuốc của Công ty, đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng sản xuất, đa dạng hóa các mặt hàng dược phẩm, đặc biệt là ngành hàng từ nguyên liệu thảo dược và tạo ra một mô hình khép kín trong quá trình sản xuất. Hiện tại Nhà máy đã được hoàn tất giai đoạn 1 và đưa vào sản xuất từ tháng 6/2010 với công suất 250 tấn đơn vị sản phẩm/năm, dự kiến trong năm 2011 sẽ hoàn tất giai đoạn 2 của Nhà máy. Tổng giá trị đầu tư của Nhà máy vào khoảng 130,5 tỷ đồng.

Ngoài ra, nhằm đa dạng hóa các dạng bào chế và tăng sản lượng và doanh thu hàng sản xuất, Công ty cũng đã bắt đầu triển khai một số dự án nhằm hoàn thiện quy trình sản xuất và mở rộng danh mục sản phẩm. Tiêu biểu như Nhà máy sản xuất thuốc Non-betalactam, Nhà máy sản xuất Cồn, một số hạng mục phụ trợ như Nhà máy xử lý nước thải, hạ tầng Cụm Công nghiệp Dược kỹ thuật cao DOMESCO, Nhà máy sản xuất nước tinh khiết, Đài nước và hồ chứa nước. Các công trình này dự kiến sẽ được hoàn tất và đưa vào sử dụng trong năm 2011.

Trong mảng hoạt động kinh doanh, Công ty đang triển khai việc xây dựng mới Chi nhánh Vinh, đây là một phần trong chiến lược mở rộng và kiện toàn hệ thống phân phối nhằm xâm nhập và mở rộng thị phần miền Bắc của Công ty.

Do ảnh hưởng của tình hình suy thoái kinh tế thế giới và cân nhắc đến chiến lược phát triển của Công ty trong giai đoạn sắp tới, Công ty quyết định tạm dừng và không tiếp tục tham gia góp vốn thực hiện các dự án sau: Trung tâm Thương mại Dược phẩm Tây Nguyên, Nhà máy đông dược DC26, Dự án bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, thu mua dược liệu đạt GACP- WHO tại Gò Tháp- Tháp Mười- Đồng Tháp.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2011

Đối với hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư nhằm mục đích kích thích tăng trưởng, đa dạng hóa các mặt hàng dược phẩm đòi hỏi kỹ thuật hiện đại và công nghệ tiên tiến. Các dự án sẽ được chọn lọc dựa trên tính thiết thực, trình độ công nghệ và hiệu quả đóng góp vào hoạt động của công ty. Các dự án sẽ được thực hiện dựa trên nguồn lực tài chính hiện tại và các nguồn vốn hợp tác khác.

Danh mục các dự án sẽ thực hiện trong năm 2011:

1. Hoàn thiện giai đoạn 2 của Nhà máy Chiết xuất Nguyên liệu Dược liệu và đưa nhà máy đi vào hoạt động đạt công suất theo kế hoạch vào tháng 6/2011.
2. Hoàn thành Nhà máy sản xuất cồn (Công ty TNHH DOMENOL) và đưa vào hoạt động vào tháng 4/2011.
3. Tiếp tục hoàn thành các hạng mục phụ trợ đưa vào sử dụng như: Nhà máy xử lý nước thải, hạ tầng Cụm Công nghiệp Dược kỹ thuật cao DOMESCO vào tháng 04/2011; hoàn thành và đưa vào sử dụng hạng mục Nhà máy sản xuất nước tinh khiết, Đài nước và hồ chứa nước vào tháng 12/2011.
4. Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Hoàn thiện Quy trình chiết xuất Piperin tinh khiết từ Hồ tiêu đúng theo tiến độ đã được phê duyệt. Dự án này được thực hiện kể từ năm 2010 đến Quý 1, 2013.

Đối với hoạt động kinh doanh

Công ty tiếp tục triển khai và kiện toàn đề án Hệ thống phân phối dược phẩm trong toàn quốc, thiết lập thêm hai kho vùng tại Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Đà Nẵng vào năm 2013 – 2014.

Đối với hoạt động xuất nhập khẩu

Thị trường xuất khẩu là thị trường mục tiêu để bổ sung và hỗ trợ cho doanh thu trong nước của Công ty. Hiện nay Công ty cũng đã có nhiều mặt hàng có sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường trong nước và bước đầu thay thế được các sản phẩm ngoại nhập. Một số sản phẩm của DOMESCO đã xuất khẩu sang thị trường các nước khác như Malaysia, Philippin, Nhật, Ấn Độ, Hồng Kông, Campuchia và 18 nước Châu Phi nói tiếng Pháp.

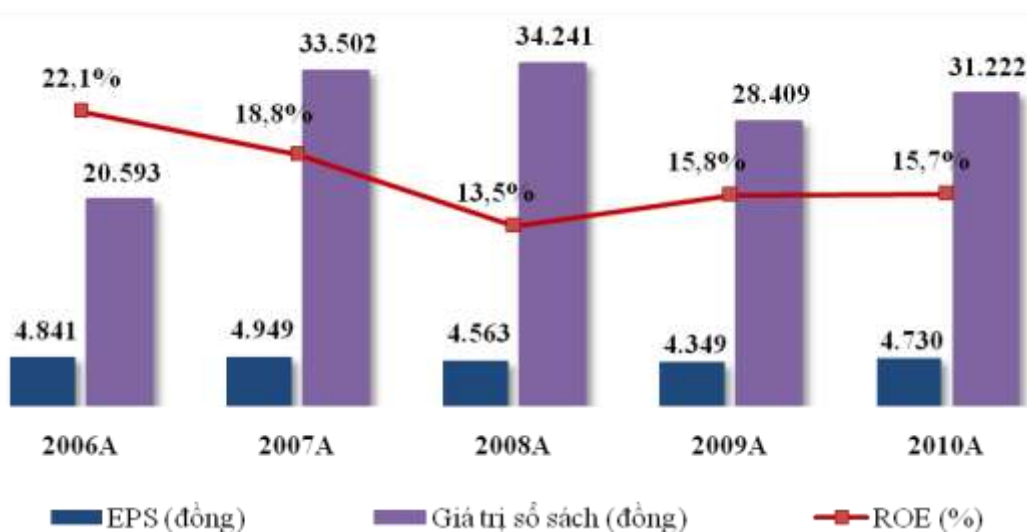
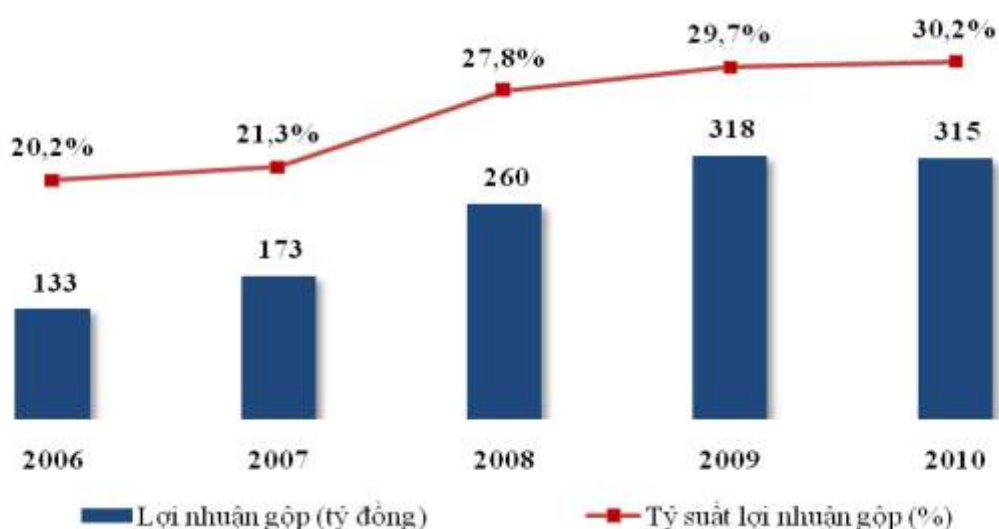
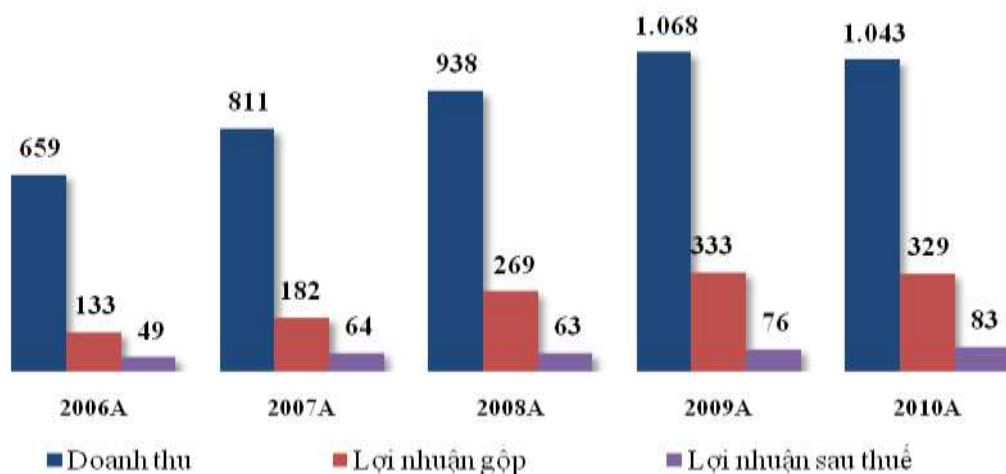
Với hoạt động nhập khẩu, Công ty đang phấn đấu tăng cường tỷ trọng nhập khẩu nguyên liệu và thuốc đặc trị ngày càng cao có nguồn gốc từ Châu Âu, đáp ứng kịp thời nhu cầu nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất và kinh doanh.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2008	2009	2010
I	Hệ số khả năng thanh toán				
1	- Vốn lưu động thuần	đồng	204,468,046,835	207,089,974,697	241,570,416,711
2	- Hệ số thanh toán hiện thời	lần	2.46	2.05	2.24
3	- Hệ số thanh toán nhanh	lần	1.32	1.13	1.16
4	- Vòng quay các khoản phải thu bq	vòng/năm	7.00	6.11	5.41
5	- Số ngày thu tiền bình quân	ngày	52.16	59.78	67.52
6	- Vòng quay hàng tồn kho	vòng/năm	3.71	4.69	3.97
7	- Số ngày luân chuyển hàng tồn kho bình quân	ngày	98.40	77.82	91.93
8	- Vòng trả nợ bình quân	vòng/năm	8.88	10.90	12.66
9	- Số ngày trả nợ bình quân	ngày	41.08	33.50	28.83
10	- Chu kỳ luân chuyển thành tiền	ngày	109.48	104.10	130.62
II	Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động				
1	- Hệ số tạo doanh thu của tổng tài sản	lần	1.53	1.50	1.36
2	- Hệ số tạo doanh thu của TSCĐ	lần	5.03	4.81	4.30
III	Các chỉ tiêu lợi nhuận hoạt động				
1	- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu	%	0.28	0.30	0.30
2	- Tỷ suất lợi nhuận HĐ KD trên doanh thu	%	7.92%	9.76%	10.86%
3	- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên doanh thu	%	6.70%	7.15%	7.93%
4	- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn điều lệ	%	45.61%	42.88%	46.49%
5	- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA)	%	10.25%	10.76%	10.80%
6	- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn CSH (ROE)	%	13.33%	15.36%	15.15%
IV	Cơ cấu vốn và rủi ro tài chính				
1	- Tỷ lệ nợ dài hạn trên vốn CSH	%	0.35%	3.05%	4.62%
2	- Tỷ lệ nợ dài hạn trên tổng tài sản	%	0.27%	2.13%	3.30%
3	- Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH	%	30.11%	42.78%	40.31%
4	- Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	23.14%	29.96%	28.73%
5	- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	76.86%	70.04%	71.27%
6	- Tỷ lệ tài sản cố định trên tổng tài sản	%	30.41%	31.28%	31.68%
7	- Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	47.89	6.22	4.12
V	Các chỉ tiêu tăng trưởng				
1	- Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	%	15.61%	13.88%	-2.29%
2	- Tỷ lệ tăng trưởng giá vốn	%	6.13%	10.74%	-2.93%
4	- Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận HĐ SX kinh doanh	%	16.43%	40.35%	8.67%
5	- Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận ròng	%	-2.14%	21.59%	8.42%
6	- Tỷ lệ tăng trưởng tổng tài sản	%	1.67%	15.83%	8.00%
7	- Tỷ lệ tăng trưởng tổng tài sản lưu động	%	-23.75%	17.41%	7.90%
8	- Tỷ lệ tăng trưởng tổng tài sản cố định	%	77.87%	13.81%	8.15%
9	- Tỷ lệ tăng trưởng nợ phải trả	%	0.20%	49.98%	3.57%
10	- Tỷ lệ tăng trưởng vốn CSH	%	2.12%	5.55%	9.90%
11	- Tỷ lệ thu nhập giữ lại	%	56.79%	59.31%	53.49%
12	- Tỷ lệ tăng trưởng	%	7.57%	9.11%	8.10%
VI	Các chỉ tiêu liên quan đến cổ phiếu				
1	- Thu nhập trên 1 CP (EPS)	đồng/cp	4,563	4,363	4,730
2	- Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BV)	đồng/cp	34,716	28,409	31,222
3	- Cổ tức	đồng/cp	2.080	2.200	2.200

Biểu đồ một số chỉ tiêu chính

Tỷ đồng



GIỚI THIỆU CÔNG TY

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y Tế Domesco tiền thân là Công ty Vật tư Thiết bị Y tế, một doanh nghiệp Nhà nước thành lập năm 1985 và trực thuộc Sở Y Tế tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 1/1/2004, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng.

Ngày 25/12/2006, Domesco được chính thức niêm yết trên sàn giao dịch tại SGDCK TP.HCM với mã chứng khoán là DMC.

CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

- Năm 2005, công ty thực hiện tăng vốn từ 60 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng cho Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên công ty và các đối tác chiến lược của công ty.
- Năm 2006, công ty tiếp tục phát hành cổ phiếu thường từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối (19 tỷ đồng) và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (8 tỷ đồng) để tăng vốn lên 107 tỷ đồng.
- Ngày 06/08/2007 công ty đã tăng vốn lên 137.699.990.000 đồng.
- Đến ngày 05/10/2009 công ty đã tăng vốn lên 178.093.360.000 đồng.

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU & CÁC GIẢI THƯỞNG ĐÃ NHẬN ĐƯỢC



Huân chương Lao động Hạng Nhì (2000)



Giải thưởng Châu Á Thái Bình Dương hạng Xuất sắc (2002)



Huân chương Lao động Hạng Nhất (2005)



Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2007)

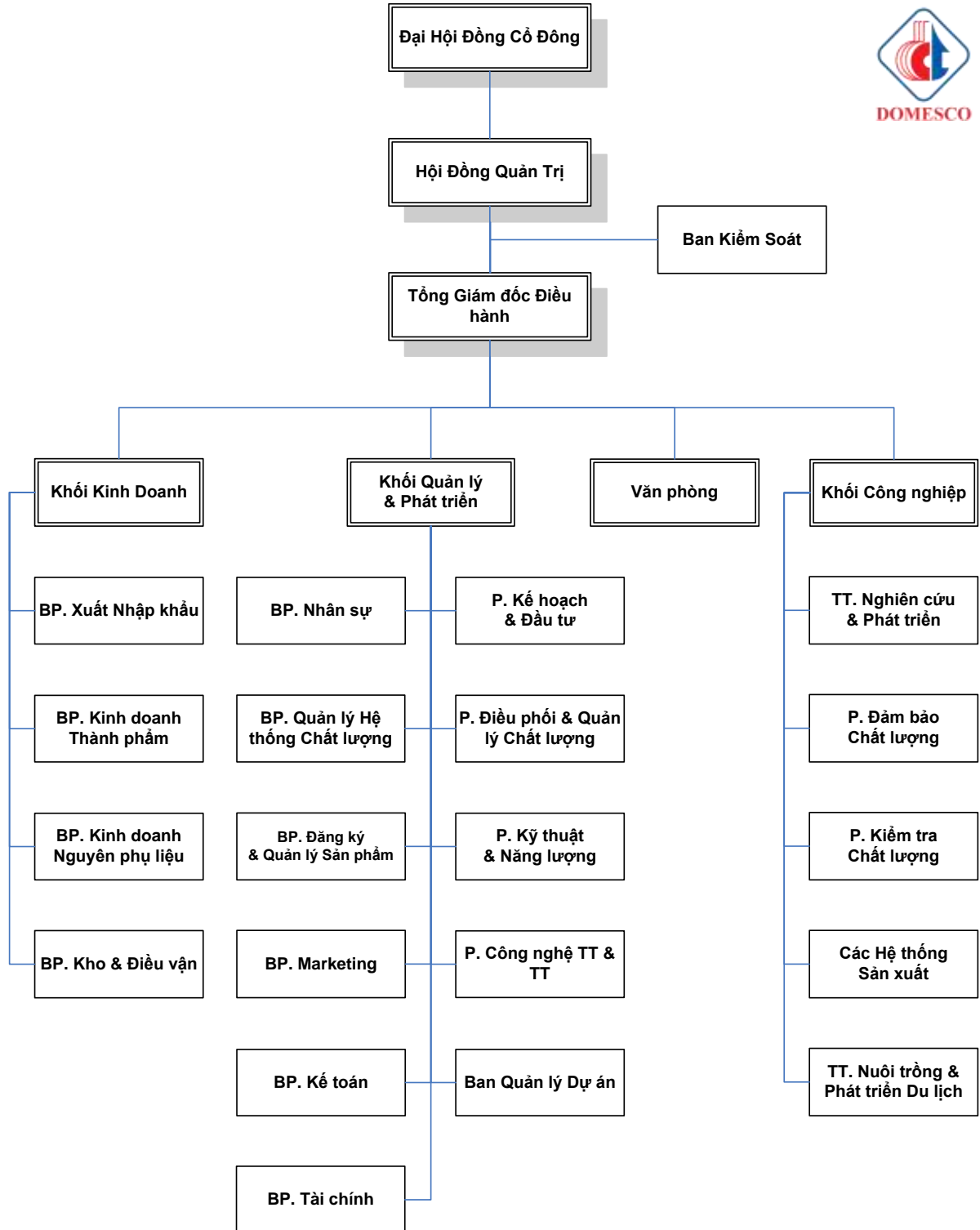


Giải thưởng "Hàng Việt Nam chất lượng cao" (2010)



Ngoài ra, trong năm 2010 Công ty cũng nhận được gần 40 bằng khen, chứng nhận, danh hiệu và các giải thưởng của Chính phủ, Bộ Công thương, các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương và các tổ chức khác.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Thông tin về các Công ty con và Công ty liên kết

Danh sách các khoản đầu tư tài chính của Domesco vào thời điểm 31/12/2010 bao gồm

STT	Công ty	VĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tham gia HĐQT
1	CTCP Dược và Vật tư Y tế Bình Thuận	13.020	21,85%	Có
2	CTCP Dược Phẩm Tây Ninh	3.597	2,22%	Có
3	CTCP Dược phẩm An Giang	22.000	2,14%	Không
4	CTCP Dược Phẩm CPV	3.800	0,11%	Không
5	Công ty CP Y Dược DOMEDIC	60.000	22,50%	Có
6	Công ty Cổ phần DOMENAL	125.000	32,00%	Có
7	Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	50.000	20,00%	Có
8	Công ty TNHH DOMENOL	10.000	70,00%	Có

CTCP Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường (Vinapco) là công ty liên kết, được thành lập năm 2007 với hoạt động chính là sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh và kinh doanh bao bì nhựa.

CTCP Domenal là công ty liên kết, được thành lập năm 2008 để xây dựng và vận hành dự án nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản có công suất 100.000 tấn/năm với tổng cộng hai dây chuyền sản xuất. Nhà máy đã hoàn thiện một dây chuyền sản xuất và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 22/4/2010.

CTCP Y Dược Domic là công ty liên kết, được thành lập năm 2007 dưới sự hợp tác giữa Domesco và trung tâm Y Khoa MEDIC TP.HCM để thành lập phòng khám đa khoa tại Đồng Tháp và thực hiện các dịch vụ khám chữa bệnh trong địa phương.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm 2010

Khoản mục (triệu đồng)	DOMEDIC	DOMENAL*	VINAPCO*
Doanh thu	25.485	179.814	29.075
Lợi nhuận trước thuế	4.187	4.049	3.191
Lợi nhuận sau thuế	3.322	4.036	2.792

Chú thích: (*) dựa trên số liệu Báo cáo tài chính chưa kiểm toán

CT TNHH Domenol là công ty con, được thành lập năm 2010 để xây dựng và vận hành dự án nhà máy sản xuất Cồn có công suất 1,5 triệu lít/năm. Công ty Domenol đã nghiệm thu hoàn thành phần xây lắp nhà máy vào tháng 12/2010 và đang tiến hành lắp đặt và hoàn thiện phần trang thiết bị cho nhà máy. Dự kiến nhà máy sẽ hoàn tất và đi vào hoạt động trong năm 2011.

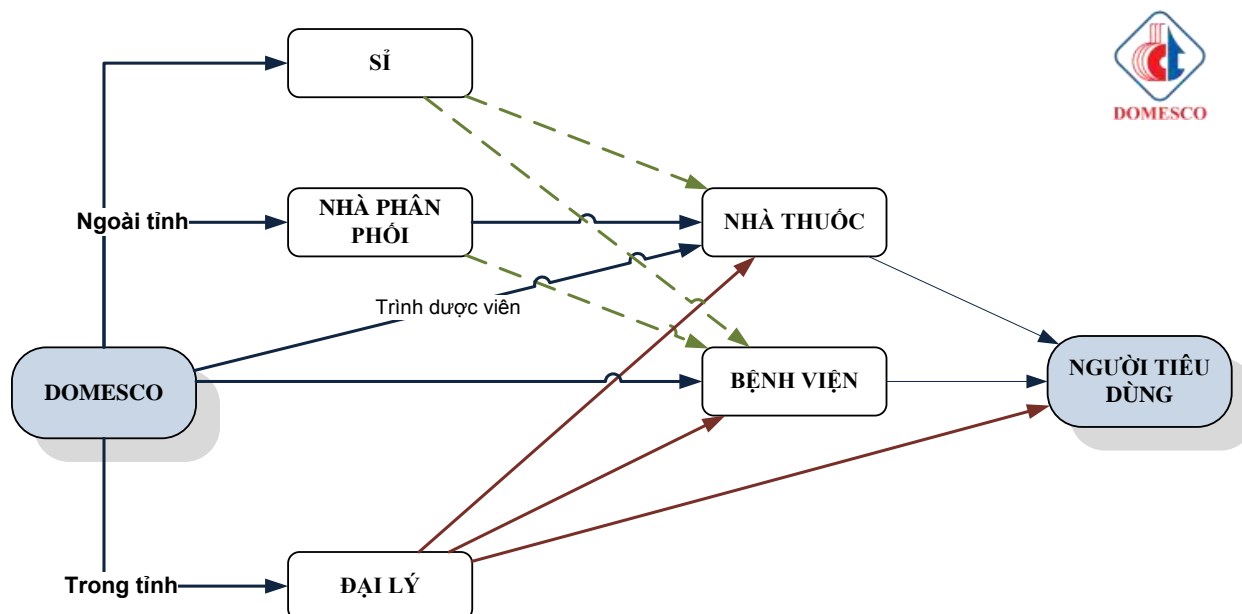
HỆ THỐNG PHÂN PHỐI VÀ THỊ TRƯỜNG

Chính sách của công ty đối với mạng lưới phân phối

Domesco đã chủ động đa dạng hóa các kênh phân phối của Công ty theo nhiều hình thức (hệ thống phân phối chính thức, hệ thống nhà thuốc, hệ thống khách hàng thông qua các cơ sở y tế, phòng khám, đại lý bán buôn) nhằm tiếp cận các phân khúc khách hàng mục tiêu và phổ biến các nhãn hiệu thuốc Domesco đến người tiêu dùng. Việc phát triển và mở rộng hệ thống phân phối giúp công ty duy trì lợi thế cạnh tranh so với các công ty dược phẩm trong và ngoài nước và hỗ trợ tích cực cho hoạt động bán hàng của công ty, đảm bảo việc điều phối cung cấp hàng hóa đúng, đủ và kịp thời theo nhu cầu thị trường.

Mạng lưới phân phối hiện tại

Hệ thống phân phối của công ty được phân làm hai hệ thống chính là hệ thống phân phối thông qua kênh thương mại và hệ thống phân phối qua kênh điều trị. Kênh thương mại bao gồm các nhà thuốc tư, đại lý, nhà phân phối chính, và hệ thống phân phối của công ty. Kênh điều trị bao gồm các kênh phân phối từ bệnh viện, chủ yếu phân phối các sản phẩm thuốc đặc trị và kháng sinh thế hệ mới.



Công ty đã không ngừng phát triển hệ thống phân phối, tập trung vào thị phần trong nước bằng cách phát triển chi nhánh, điều phối cung cấp hàng hoá đúng, đủ và kịp thời cho nhu cầu thị trường. Cho đến nay, Công ty đã có 9 chi nhánh cùng hệ thống phân phối đạt tiêu chuẩn GDP và các nhà thuốc đạt GPP như sau:

- Hệ thống phân phối – GDP: 9 chi nhánh phân phối trên toàn quốc, 2 văn phòng & 4 trung tâm phân phối trong tỉnh Đồng Tháp
- Hệ thống nhà thuốc – GPP: 4 nhà thuốc bệnh viện trong tỉnh Đồng Tháp và 16 nhà thuốc tư nhân
- Hệ thống khách hàng: 11.435 điểm bán thuốc, bao gồm: Nhà thuốc – cơ sở bán lẻ, Đại lý bán buôn, Bệnh viện/Trung tâm y tế/Trạm y tế, Phòng khám/Phòng mạch.

Chiến lược phát triển mạng lưới phân phối

Duy trì, củng cố và kiện toàn đề án Hệ thống phân phối dược phẩm trong toàn quốc, thiết lập thêm 2 kho vùng tại CN Hà Nội và CN Đà Nẵng vào năm 2013 - 2014.

Áp dụng các giải pháp đồng bộ: “Hệ thống giá trị và chuỗi cung ứng – liên kết chiến lược” nhằm duy trì và nâng cao tính cạnh tranh của hệ thống phân phối.

Nâng cao chất lượng và năng lực hoạt động của hệ thống kho hàng hóa xuất nhập khẩu, các dịch vụ phục vụ cho thuê, dịch vụ giao nhận.

Củng cố và phát triển hệ thống phân phối thông qua các công ty dược của địa phương hiện đang là đại lý phân phối hàng của DOMESCO. Triển khai thành lập chi nhánh khi điều kiện cho phép tại các thị trường mới như các tỉnh miền Bắc và vùng Cao nguyên.

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường mối quan hệ với khách hàng trên từng kênh phân phối.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

Công ty hiện có bốn nhà máy sản xuất, bao gồm ba nhà máy sản xuất thuốc và một nhà máy sản xuất thực phẩm chức năng. Các nhà máy được xây dựng tại tỉnh Đồng Tháp, gần nguồn nguyên liệu đầu vào và dễ dàng tiếp cận dễ dàng thị trường tiêu thụ miền Nam. Diện tích kho tàng nhà xưởng của các nhà máy này đạt trên 10.000 m². Đội ngũ nhân viên sản xuất của công ty hiện tại đạt gần 500 người với trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

Năng lực Sản xuất

Các nhà máy sản xuất thuốc có 3 nhóm sản phẩm chính là penicilline, ephalosporine và non-betalactam. Sản lượng tối đa của Công ty đạt 140 triệu đơn vị sản phẩm/tháng. Công ty hiện đang ứng dụng nhiều dây chuyền sản xuất cho nhiều loại hình sản phẩm như: thuốc viên nang mềm, viên nang cứng, viên nén, viên nén sủi, viên nén bao phim, dạng nang dạng pellet, dạng thuốc giải phóng kéo dài, thuốc gói ...



Nhà máy Non betalactam

Công suất: trên 800 triệu đơn vị sản phẩm/năm



Nhà máy Penicilline

Công suất: trên 250 triệu đơn vị sản phẩm/năm



Nhà máy Cephalosporin

Công suất trên 200 triệu đơn vị sản phẩm /năm

Nhà máy sản xuất nguyên liệu dược liệu của công ty đã hoàn thành xong giai đoạn 1 và đưa vào hoạt động từ tháng 6 năm 2010 với công suất tối đa đạt 250 tấn/năm.

Công nghệ của Nhà máy

Các nhà máy sản xuất của công ty đều đã nhận được giấy chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn WHO về GMP/GSP/GLP, cũng như sử dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế như ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSASs 18001:2007.

Kế hoạch Mở rộng Sản xuất

Trong thời gian tới, Công ty dự định sẽ bổ sung và đầu tư xây dựng thêm dây chuyền sản xuất kem mỡ nước và mở rộng công suất nhà máy non-betalactam viên cứng bột, thuốc tiêm – thuốc nhỏ mắt và nhà máy bao bì liên hợp.

Công ty cũng dự định sẽ đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất Cồn 1,5 triệu lít/năm.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho việc sản xuất các loại sản phẩm dược liệu của công ty, Công ty đã triển khai dự án ứng dụng GACP xác lập việc nuôi trồng, thu mua, chế biến và sản xuất dược liệu sinh thái tại vùng Bảy Núi – Tri Tôn tỉnh An Giang, Phú Quốc, miền Đông, Tây Nguyên. Dự án này trong kế hoạch triển khai đầu tư nuôi trồng các vùng dược liệu thông qua các hình thức liên kết và hợp tác đa phương nhằm đạt chứng nhận Organic cho các sản phẩm của Công ty.

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN (R&D)

Các đặc điểm nổi bật về tình hình R&D của công ty

Công ty luôn chú trọng đến việc đầu tư mở rộng và chuyên sâu cho hoạt động nghiên cứu phát triển để tạo ra nhiều sản phẩm mới và các dạng bào chế mới theo công nghệ tiên tiến, đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và dần mở rộng sang thị trường xuất khẩu. Trung tâm R&D của DOMESCO là một trong số ít các trung tâm trong nước được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cho công tác nghiên cứu, đảm bảo đồng bộ với các thiết bị đang sản xuất trên quy mô công nghiệp.

Đối với lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ Sinh học, Trung tâm đã đầu tư vào các thiết bị tiên tiến như: máy đông khô, thiết bị lọc tuyến tính... nhằm phục vụ cho các nghiên cứu tiên phong trong lĩnh vực dược nội địa hiện nay như: nuôi cấy mô thực vật, sản xuất và tinh chế Enzyme dược phẩm, sản xuất các chế phẩm Nano làm thuốc...

Tổng quan tình hình hoạt động R&D năm 2010

Trong năm 2010, Trung tâm R&D đã nghiên cứu và được cấp số đăng ký mới nhóm hóa dược được 21 mặt hàng thuộc nhóm tim mạch, kháng sinh, giảm đau, nội tiết tố,... và đã đem vào triển khai sản xuất theo quy mô công nghiệp các mặt hàng này. Bên cạnh đó, Trung tâm đã đưa vào thử nghiệm và sản xuất dạng bào chế mới: Dạng phóng thích có kiểm soát viên Vosfarel 35 mg MR và đã được Viện kiểm nghiệm thuốc TP.HCM chứng minh là tương đương sinh học với đối chứng. Trung tâm cũng đã đạt được một số tiến bộ đáng kể trong việc nghiên cứu và triển khai sản xuất một số mặt hàng thuốc dược liệu và công nghệ sinh học.

Các sản phẩm mới cung cấp ra thị trường trong năm 2010

Trong năm 2010, Công ty đã sản xuất mới được 23 sản phẩm, trong đó có 12 sản phẩm dược điều trị, 5 sản phẩm dược OTC, và 6 sản phẩm dược liệu và thực phẩm chức năng.

Các sản phẩm dược phẩm mới được sản xuất dưới các dạng bào chế đa dạng: viên nén, viên nén sủi, viên nén bao phim, viên nén sủi, viên nang mềm, viên nang cứng, thuốc bột,... đặc biệt có dạng bào chế hiện đại là viên nén bao phim phóng thích kéo dài (Vosfarel MR). Nhiều hoạt chất mới đã được đưa vào sản xuất như: Bisoprolol fumarat, Valsartan, Cefatamet,... trong đó DOMESCO là công ty đầu tiên sản xuất sản phẩm có hoạt chất Cefetamet.

Chiến lược phát triển hoạt động R&D

Về dài hạn, Công ty định hướng sẽ tăng cường đầu tư vào hoạt động R&D mảng công nghệ sinh học nhằm tạo ra nhiều sản phẩm mang tính đột phá. Domesco đang tập trung vào nghiên cứu chuyên sâu các dạng bào chế mới, tăng cường và củng cố thêm dạng bào chế viên phóng thích có kiểm soát, viên tan nhanh, các chế phẩm dùng ngoài như dạng cream – gel...

Với các dạng bào chế thông thường như viên nén, viên nang và thuốc gói thì hiện tại Công ty đã có nhiều sản phẩm đang được lưu hành trên thị trường. Do đó ngoài việc phát triển thêm các dạng bào chế mới, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các dạng bào chế cổ điển này. Nhưng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, DOMESCO cần phải đưa ra thêm nhiều dạng bào chế mới phù hợp với thị hiếu của thị trường.

Công ty cũng tăng cường việc hợp tác chuyển giao công nghệ với các Viện, Trường trong công tác thử tương đương sinh học (BA BE) các sản phẩm theo danh mục của Bộ Y tế khuyến khích đánh giá.

Đồng thời Công ty cũng tiến hành thử lâm sàng các sản phẩm có nguồn gốc từ cây và con (các sản phẩm có thiết kế công thức mới ngay từ ban đầu), phát triển các bài thuốc cổ phương.

Ngoài ra, để đảm bảo an toàn về nguồn nguyên vật liệu, Phòng R&D của Công ty sẽ phối hợp với các Hội Đông Y và các Hợp tác xã địa phương xây dựng các vùng trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP – WHO như ở các vùng: 7 núi tỉnh An Giang, các xã cù lao huyện Hồng ngự, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, các tỉnh Tiền Giang, Cần Thơ và các tỉnh vùng Tây Nguyên...

LỢI THẾ CẠNH TRANH

Công ty chủ động duy trì lợi thế cạnh tranh bằng cách nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới có chất lượng tốt, giá thành hợp lý và đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng nội địa.

NHÓM SẢN PHẨM DƯỢC LIỆU

Tiên phong trong việc phát triển sản phẩm mới: Công ty đã tiến hành từng bước phát triển các sản phẩm này từ rất sớm. Một số sản phẩm của công ty đã có mặt trên thị trường trên 10 năm và giành được sự tín nhiệm của người tiêu dùng như: Dogarlic, Doragon, Morinda, Domic.

Chủ động trong nguồn nguyên liệu: Nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, Công ty đã chủ động đầu tư vào một nhà máy chuyên sản xuất nguyên liệu làm thuốc và cung cấp cho dây chuyền sản xuất các sản phẩm dược liệu của công ty. Nhà máy được trang bị trang thiết bị hiện đại, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm, và đã bắt đầu vận hành từ năm 2010.

Chú trọng chất lượng sản phẩm: Các sản phẩm của Domesco được nghiên cứu và phát triển dựa trên nền tảng của Y học cổ truyền, kết hợp với phương pháp bào chế hiện đại. Một số sản phẩm đã được tiến hành đánh giá xác nhận hiệu quả điều trị qua các thử nghiệm lâm sàng như: tác dụng “hạ cholestolol, điều hòa triglycerid” và “phòng và hỗ trợ điều trị viêm loét dạ dày gây bởi *Helicobacter pylori*” của sản phẩm Dogarlic Trà xanh, tác dụng “Hạ men gan” của sản phẩm Doragon và D-A-R, tác dụng “điều trị sỏi tiết niệu” của sản phẩm Viên Sỏi Thận. Một số sản phẩm tiêu biểu của công ty đã giành được các giải thưởng uy tín tại Hội thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp như: Doragon (2001), D-A-R (2003), Viên sỏi thận (2003), Đan sâm – Tam Thất (2005).

NHÓM SẢN PHẨM HÓA DƯỢC

Tập trung vào nhóm sản phẩm generic: Theo thông lệ, phần lớn các công ty Dược phẩm trong nước sản xuất thuốc generic dựa trên các thuốc sáng chế đã hết thời gian bảo hộ độc quyền. Domesco cũng tập trung vào nhóm các sản phẩm này, cụ thể là ba nhóm sản phẩm Non Betalactam, Cephalosporin và Penicillin.

Tiên phong trong việc đánh giá tương đương sinh học: Với các thuốc generic, việc đánh giá tương đương sinh học góp phần chứng minh chất lượng của các thuốc generic so với thuốc sáng chế, tạo niềm tin khi sử dụng thuốc và giúp giảm chi phí điều trị. Nhận thức được điều này, Công ty đã chủ động hợp tác với các Viện, Trường để tiến hành đánh giá tương đương sinh học của các sản phẩm của mình từ rất sớm. Các sản phẩm được ưu tiên thực hiện đánh giá là những sản phẩm thuộc nhóm điều trị tiểu đường, tăng huyết áp và kháng sinh. Công ty đã tiến hành đánh giá TĐSH cho một số sản phẩm như Glucofine 850 mg và 500 mg, Zinmax – DOMESCO 500 mg, Amlodipin 5 mg và Vosfarel MR, Dorover. Kết quả nghiên cứu cho thấy các thuốc này đều tương đương sinh học với các thuốc đối chiếu. Đây là bằng chứng rõ ràng nhất về uy tín và chất lượng sản phẩm của Công ty.

Đa dạng trong các loại hình bào chế: Các sản phẩm của công ty được bào chế dưới nhiều hình thức như: viên nén, viên nén bao phim, viên nén sủi, viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc bột, thuốc bột sủi... Một số dạng bào chế hiện đại cũng đã được công ty thử nghiệm và sản xuất thành công như: viên nén phân tán Docifix, viên nén phóng thích Vosfarel MR. Việc đa dạng hóa các hình thức bào chế giúp công ty đa dạng

Ưu tiên phát triển Công nghệ: Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế và tối ưu hóa công thức bào chế các sản phẩm hóa dược nhằm tạo ra các sản phẩm đa dạng và có tính chất tương đương sinh học với sản phẩm gốc.

Đầu tư vào nguồn lực Nhân sự: Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của công ty được đào tạo từ nước ngoài và liên kết với các Viện nghiên cứu và các trường Đại học trong và ngoài nước trong quá trình nghiên cứu phát triển sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có.

SẢN PHẨM & DANH MỤC NHÃN HIỆU

Tình hình đăng ký, sử dụng và phổ biến nhãn hiệu sản phẩm

Danh mục sản phẩm của công ty bao gồm 4 nhóm chính: hóa dược, dược liệu, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm, trong đó tỷ trọng chủ yếu tập trung vào nhóm hóa dược, chiếm 80% tổng doanh thu.

Tính đến thời điểm 30/12/2010, Công ty đã có 423 sản phẩm được cấp số đăng ký trong nước, bao gồm:

- Hóa dược: 337 sản phẩm. (Non Betalactam: 261; Cephalosporin: 51; Penicillin: 25)
- Dược liệu: 26 sản phẩm.
- Thực phẩm – thực phẩm chức năng: 58 sản phẩm.
- Mỹ phẩm: 02 sản phẩm.

Trong năm Công ty đã tiến hành bảo hộ và được cấp giấy chứng nhận bảo hộ độc quyền 12 nhãn hiệu. Tính đến 31/12/2010, tổng số nhãn hiệu đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ độc quyền 356 nhãn hiệu, trong đó đã sử dụng 222 nhãn hiệu.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động quảng bá sản phẩm thông qua các kênh như hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm mới, quảng bá trên các báo sức khỏe. Trong năm, Công ty đã đạt được một số thành công nhất định trong việc quảng bá 2 sản phẩm Dorogac và Doroni.

Nhóm sản phẩm hóa dược

Các mặt hàng hóa dược của công ty có thể được phân thành ba phân nhóm chính, bao gồm thuốc đặc trị, thuốc kháng sinh và thuốc OTC.

Nhóm thuốc đặc trị là nhóm sản phẩm thế mạnh của Domesco, do thị trường trong nước chỉ có một số ít các doanh nghiệp nội địa có khả năng sản xuất các loại thuốc này do hạn chế về mặt công nghệ. Nhờ vào việc đầu tư vào hoạt động R&D và các nhà máy và dây chuyền sản xuất hiện đại, Domesco đã có khả năng tạo ra các sản phẩm dưới nhiều dạng bào chế mới và có chất lượng ngày càng cao, được chứng minh qua các thử nghiệm về tương đương sinh học so với thuốc gốc. Đây cũng là các nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao và tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng trong quá khứ của Công ty.

Nhóm thuốc kháng sinh bao gồm các sản phẩm quen thuộc như ampicillin, amoxicillin, cephalosporin và các sản phẩm kháng sinh thế hệ mới. Nhóm thuốc này là sản phẩm truyền thống của công ty và đóng góp tỷ trọng đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong thời gian tới, Domesco dự kiến sẽ tập trung vào các thế hệ thuốc kháng sinh mới và nâng cao chất lượng của các sản phẩm kháng sinh cũ.

Nhóm thuốc OTC bao gồm các sản phẩm dược phẩm có thể mua không cần kèm chỉ định của bác sĩ tại các nhà thuốc và kênh phân phối của công ty. Danh mục thuốc OTC của Công ty hiện tại bao gồm: thuốc giảm đau, hạ nhiệt, thuốc chống dị ứng, nhóm thuốc chống viêm không steroid, thuốc giãn cơ, vitamins và chất khoáng... Nhóm sản phẩm này cũng có tỷ suất lợi nhuận gộp khá cao tuy nhiên cũng chịu sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp dược trong ngành.

Về dài hạn, việc hoàn tất nhà máy non-betalactam mới sẽ giúp Công ty cập nhật công nghệ, gia tăng năng lực sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm đối với hai nhóm sản phẩm thuốc đặc trị và thuốc OTC.

Nhóm sản phẩm dược liệu

Doanh thu từ mảng này hiện chỉ chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong tổng doanh thu sản xuất của công ty (dưới 2%), tuy nhiên, việc ra đời nhà máy chiết xuất nguyên liệu dược liệu sẽ giúp công ty chủ động trong nguồn nguyên liệu, giảm thiểu chi phí mua ngoài và khép kín mô hình kinh doanh. Công ty xem mảng thuốc đông dược là mảng kinh doanh có tốc độ phát triển cao và tỷ suất lợi nhuận cao, chịu ít cạnh tranh hơn so với thuốc tân dược nên sẽ chú trọng phát triển hoạt động này trong thời gian tới.

Các sản phẩm chính trong nhóm này bao gồm: Dogarlic, Doragon, Dogarlic trà xanh, các sản phẩm từ trái nhàu (đây là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Công ty) ...

Sản phẩm tiêu biểu

Các sản phẩm mang lại doanh thu cao trong năm chủ yếu gồm các sản phẩm hóa dược được lưu hành trên thị trường trong một thời gian dài và đã tạo được uy tín với khách hàng. Một số sản phẩm đã được thử nghiệm để chứng minh tương đương sinh học với thuốc biệt dược gốc, giúp gia tăng niềm tin về chất lượng và khả năng thay thế hàng nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu điều trị.

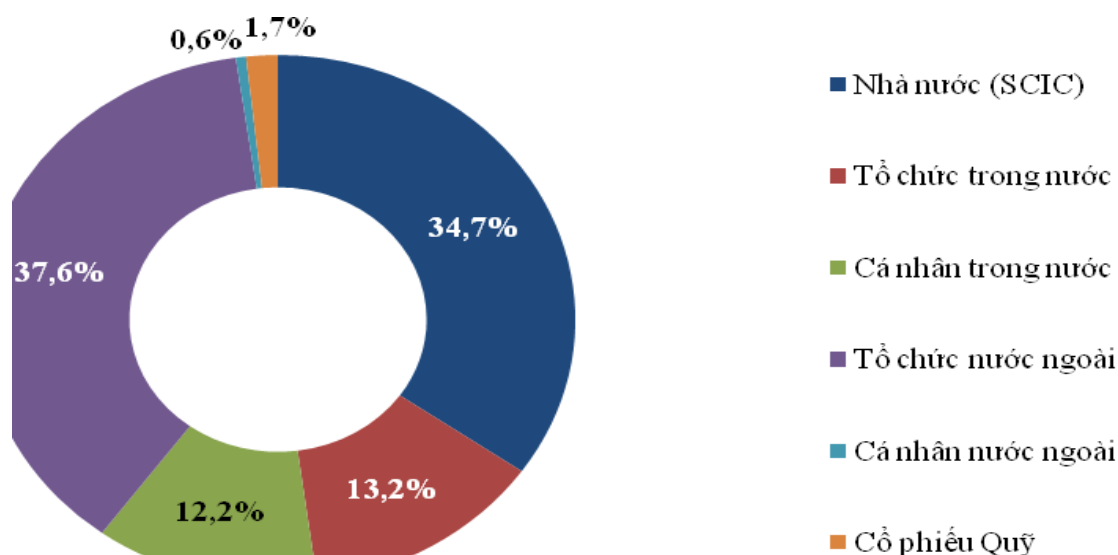
Công ty tích cực cung cấp các sản phẩm mới ra thị trường, tiêu biểu như: VOSFAREL 35mg MR, Dofed nén và Dopagan-Codein. Trong đó, sản phẩm Vosfarel 35mg MR có dạng bào chế mới- viên nén bao phim phóng thích kéo dài, đáp ứng nhu cầu điều trị. Sản phẩm này cũng đã được chứng minh tương đương sinh học so với thuốc biệt dược gốc trong việc sử dụng để điều trị bệnh.

NHỮNG TIỀN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong quá trình hoạt động, công ty đã nhận được các chứng nhận về chất lượng sản phẩm và sản xuất như sau:

- Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2000 (năm 2000).
- Giấy chứng nhận Thực hành tốt Sản xuất thuốc GMP – ASIAN (năm 2003) và GMP – WHO (năm 2005)
- Giấy chứng nhận Thực hành tốt Phòng kiểm nghiệm GLP – ASIAN (năm 2003) và GLP – WHO (năm 2005)
- Giấy chứng nhận Thực hành tốt Bảo quản thuốc GSP – WHO (năm 2005)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 25/02/2011



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Huỳnh Trung Chánh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT CTCP Y dược Domedic & Chủ tịch HĐQT CTCP Domenal

Ông Dược sĩ Huỳnh Trung Chánh - Chủ Tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Y tế Domesco từ khi cổ phần hóa ngày 01-01-2004 đến nay. Ông Chánh từng là Trưởng Khoa Dược Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Tháp từ 05/1975-06/1985 và từng kiêm qua các chức danh Phó giám đốc, giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu y tế Đồng tháp tiền thân Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco hiện nay.

Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

- 05/1975 – 06/1985 : Trưởng Khoa dược Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp
- 07/1985 – 01/1987 : Phó Chủ nhiệm Công ty Vật tư Thiết bị Y tế Đồng Tháp
- 02/1987 – 12/1987 : Phó Giám đốc Công ty Vật tư Thiết bị Y tế Đồng Tháp
- 01/1988 – 12/2003 : Giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế Đồng Tháp
- 01/2004 - nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO

Bà Nguyễn Thị Tiến – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Thành viên HĐQT CTCP Dược và Vật tư Y tế Bình Thuận

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác:

- 06/1981 – 08/1987 : Quản Đốc XN Liên hiệp Dược Đồng Tháp
- 9/1987 – 11/1988 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vật tư Thiết bị Y tế Đồng Tháp
- 12/1988 – 12/2003 : Phó Giám đốc Công ty Xuất Nhập Khẩu Y Tế Đồng Tháp
- Từ 01/2004 - nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO

Ông Trịnh Hoài Giang – Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Giang hiện là Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán TPHCM. Từ năm 1994 đến năm 2003, ông làm việc tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM. Năm 2000, ông được tuyển chọn theo học Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fullbright và tiếp tục công tác tại ngân hàng Vietcombank. Từ năm 2003 – 2005, ông được trao tặng học bổng Fullbright của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cho chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Hoa Kỳ. Từ năm 2005 – 2007, ông là Giám đốc nghiệp vụ của bộ phận Tài chính Doanh nghiệp tại Quỹ đầu tư Dragon Capital, phụ trách quản lý các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp. Từ năm 2007 đến nay, ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán TP.HCM (HSC). Ông Giang còn là thành viên sáng lập của Diễn đàn Thị trường trái phiếu Việt Nam.

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1994 – 2003 : Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TPHCM;
- 2000 : được trao tặng học bổng chương trình giảng dạy kinh tế Fullbright & công tác tiếp tại Vietcombank;
- 2003 : được học bổng Fullbright của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ - học Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Hoa Kỳ;
- 2005 – 2007 : Giám đốc nghiệp vụ - Bộ phận Tài chính doanh nghiệp tại Dragon Capital , Thành viên tích cực của Thị trường trái phiếu Việt Nam;
- 2007 – nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán TPHCM;

Ông Trần Thanh Phong – Thành viên Hội đồng Quản trị

Phó Giám đốc NC & PT đặc trách công nghệ hóa dược trực thuộc khối NC PT Công ty

Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

- 8/1998 – 12/1999 : Phó phòng T-R & D Công ty Domesco;
- 1/2000 – 9/2002 : Phó Quản đốc Xưởng I;
- 10/2002 – 2003 : Q.Trưởng phòng T-R & D;
- 2004 : Quản đốc xưởng Betalactam;
- 12/2004 – nay : Giám đốc trung tâm nghiên cứu công nghệ hóa dược;

Ông Hoàng Công Toàn – Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kế toán, Cử nhân Quản trị Kinh Doanh

Quá trình công tác:

- 11/1999 – 11/2000 : Phó phòng Kế toán – Tài chính Công ty TNHH Universal Travel & Trading (Bangkok, Thailand)
- 8/2003 – 6/2005 : Chuyên gia kiểm soát Tài chính Công ty Mercedes – Benz Việt Nam
- 2004 – 2005 : Tư vấn bán thời gian tại Công ty TNHH Advisor Associates Pte. (Singapore)
- 6/2005 – 7/2005 : Chuyên viên tư vấn doanh nghiệp, Quỹ đầu tư Vina Capital
- 8/2005 – 8/2007 : Phó Giám đốc điều hành – Công ty TNHH Qadvisor Associates Pty (Melbourne, Úc)
- 9/2007 – 8/2010 : Trưởng nhóm đầu tư – Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) – chi nhánh phía Nam.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Huỳnh Trung Chánh – Tổng Giám đốc

(Xem phần “Hội đồng Quản trị” để biết Kinh nghiệm và chuyên môn của ông Huỳnh Trung Chánh)

Bà Nguyễn Thị Tiến – Phó Tổng Giám đốc

(Xem phần “Hội đồng Quản trị” để biết Kinh nghiệm và chuyên môn của bà Nguyễn Thị Tiến)

Bà Phạm Ngọc Tuyền – Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính – Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ năm 1990 : Công tác tại Công ty XNK Y tế Đồng Tháp
- 1993 – 2000 : Phó Phòng Kế toán
- 2000 – 2003 : Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ
- 01/2004 – nay : Kế toán trưởng Công ty CP Xuất nhập khẩu y tế DOMESCO.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Phi Thức – Trưởng ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- 10/2001 – 01/2002 : chuyên viên phòng Đảm Bảo Chất lượng;
- 01/2002 – 12/2002 : chuyên viên Phòng kế toán;
- 01/2003 – 12/2007 : chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ;
- 01/2008 – 3/2009 : chuyên viên Phòng Quản trị tài chính;
- 3/2009 – nay : trưởng Ban Kiểm soát công ty

Bà Huỳnh Thị Tố Quyên – Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật – chuyên ngành Luật quốc tế

Quá trình công tác:

- 01/2006 – 4/2008 : chuyên viên phòng phổ biến giáo dục pháp luật – Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- 5/2008 – 3/2009 : nhân viên phòng kế hoạch và đầu tư Domesco;
- 3/2009 – nay : nhân viên phòng Pháp lý và Đăng ký sản phẩm Domesco;

Ông Trần Mạnh Hữu – Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

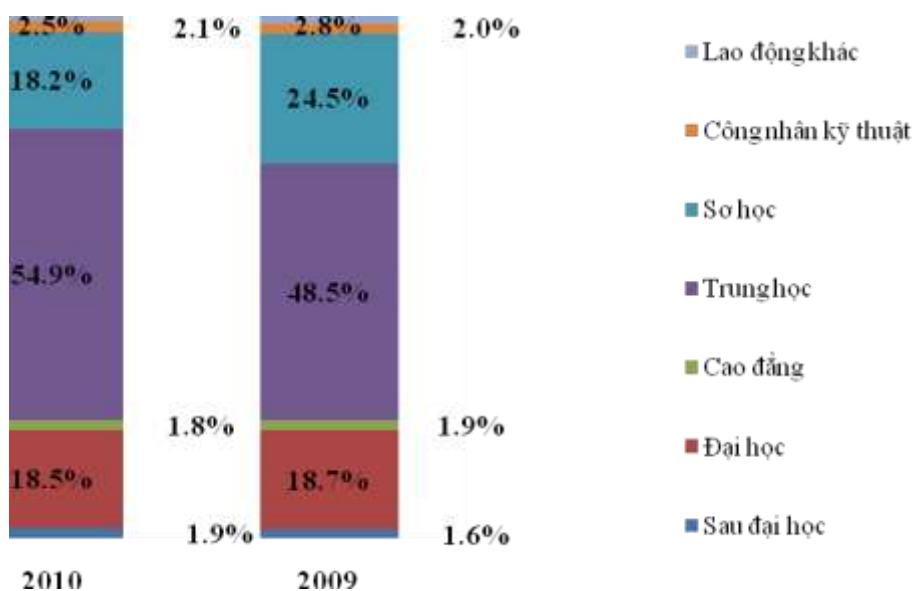
Quá trình công tác:

- 2001 – 8/2002 : chuyên viên phòng TCKT – Tổng công ty máy & phụ tùng (nay là công ty Máy & phụ tùng);
- 8/2002 – 8/2003 : phụ trách phòng TCKT – Xí nghiệp SXKD ống thép Machino tại TPHCM;
- 9/2003 – 7/2004 : chuyên viên phòng TCKT – Tổng công ty máy & phụ tùng;
- 8/2004 – 8/2008 : Thanh tra viên – Thanh tra Bộ thương mại (nay là Bộ công thương);
- 9/2008 – nay : chuyên viên Ban Kiểm soát – Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;

NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng quan về nguồn nhân lực

Số lượng cán bộ, nhân viên hiện nay đang làm việc tại công ty tính đến ngày 31/12/2010 là 1.305 người, với cơ cấu như sau:



Nhìn chung, cơ cấu lao động theo trình độ ít biến động và chủ yếu vẫn tập trung ở hệ trung học, chiếm khoảng 55% trên tổng số lao động.

Cơ cấu lao động theo chức năng cũng ít biến động so với năm 2009, chủ yếu tập trung vào đội ngũ kinh doanh (chiếm 34,7%) và đội ngũ sản xuất (chiếm 27,4%).

Chính sách lương thưởng

Hiện nay, công ty thực hiện quy chế trả lương theo hai hình thức chính là

- Trả lương: khoán lương tháng (khoán trọn gói)
- Trả lương:
 - Khoán / doanh thu (khối kinh doanh)
 - Khoán / sản phẩm (khối sản xuất)

Trong năm 2010, thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên công ty đạt 5.547.217 đồng/tháng, tăng 7.83% so với năm 2009.

Chính sách đào tạo, huấn luyện

Công ty luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty. Trong năm 2010, đã có 105 người tốt nghiệp các khóa đào tạo, gồm 02 Thạc sĩ, 13 CKI, 11 Đại học, 72 Dược sĩ Trung học và 01 Công nghệ in. Hiện tại, có 205 nhân viên đang được đào tạo, trong đó 68 người theo chương trình dược sĩ trung học, 128 người đào tạo đại học và 09 người đào tạo sau đại học.

Tổng chi phí đào tạo trong năm của Công ty vào khoảng 2,2 tỷ đồng.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên chủ chốt, số cổ phần nắm giữ và thù lao nhận được trong năm 2010

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO 2010	NHIỆM KỲ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		787,500,000	Nhiệm kỳ 5 năm (2009 -2013)	198,984	1,12
1	Huỳnh Trung Chánh	Chủ tịch			139,237	0.782
2	Nguyễn Thị Tiên	Phó chủ tịch			40,193	0.226
3	Hoàng Công Toàn	Thành viên			0	
4	Trần Thanh Phong	Thành viên			6,554	0.037
5	Trịnh Hoài Giang	Thành viên			13,000	0.073
	BAN KIỂM SOÁT		177,450,000	Nhiệm kỳ 5 năm (2009 -2013)	14	
1	Nguyễn Phi Thúc	Trưởng ban			14	
2	Trần Mạnh Hữu	Thành viên			0	
3	Huỳnh Thị Tố Quyên	Thành viên			0	
	KẾ TOÁN TRƯỞNG		7,000,000			
	Phạm Ngọc Tuyền				17,556	0.099

Giao dịch của các thành viên chủ chốt và người có liên quan

Trong năm 2010, các thành viên chủ chốt và người có liên quan không phát sinh giao dịch mua bán cổ phiếu DMC.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Trong năm 2010, không có sự thay đổi nào trong danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát của công ty. Các thành viên trong Ban Giám đốc hiện tại có 2/5 là thành viên HĐQT, và Chủ tịch HĐQT cũng đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty. Ngoài ra, có 3 thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát là cá nhân ngoài Công ty, không điều hành trực tiếp nhưng tham gia nhiều ý kiến trong các vấn đề của Công ty, giúp đưa ra những nhận định và đánh giá khách quan đối với các quyết định quan trọng của Công ty.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể và cá nhân, tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị hoạt động theo những quy chế đã quy định theo Điều lệ, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động và định hướng kinh doanh theo từng năm.

Quy mô HĐQT

HĐQT hiện tại bao gồm năm (05) Thành viên. Số lượng thành viên này đủ khả năng đáp ứng việc thu thập các ý kiến đại diện trong HĐQT và khuyến khích việc trao đổi thông tin và đưa ra quyết định phù hợp với những vấn đề quan trọng của Công ty.

Nhiệm kỳ

HDQT có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Họp và tham dự các cuộc họp HDQT

HDQT họp định kỳ hàng quý trong năm. Ngoài ra, Chủ tịch HDQT có thể triệu tập cuộc họp bất thường mỗi khi có yêu cầu. Trong năm 2010, các cuộc họp HDQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HDQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, và được lưu giữ theo đúng quy định.

Tình hình tham gia của thành viên HDQT tại các cuộc họp HDQT trong năm 2010 như sau:

TT.	Họ và tên	Số cuộc họp	Số lần tham dự
1	Ông Huỳnh Trung Chánh	7	7/7
2	Bà Nguyễn Thị Tiên	7	7/7
3	Ông Trịnh Hoài Giang	7	7/7
4	Ông Trần Thanh Phong	7	7/7
5	Ông Hoàng Công Toàn	7	7/7

Các Nghị quyết đã ban hành trong năm 2010

SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01 /NQ-HDQT	27/01/2010	Không bán 160.000 cổ phiếu quỹ như đã đăng ký, giữ lại để làm nguồn đầu tư vào một số công ty trong hệ thống phân phối.
02 /NQ-HDQT	27/01/2010	Xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu giữa với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) ở: - Cty CP Dược VTYT Tây Ninh - Cty CP Dược VTYT Bình Thuận - Cty CP Dược phẩm Bạc Liêu (DOMESCO dự kiến mua lại vốn SCIC ở 32 Công ty này)
03 /NQ-HDQT	27/01/2010	1/ Danh mục đầu tư của Công ty tập trung vào 3 Hệ thống: 1.1. Hệ thống phân phối (chuỗi GSP – GDP – GPP +Logistics + ERP) 1.2. Hệ thống Nhà máy thành phẩm dược phẩm: - Viên- cốm- bột - Kem - mỡ - nước

		<p>- Thuốc tiêm - thuốc nhỏ mắt</p> <p>1.3. Hệ thống Hóa dược: Công nghệ chiết xuất dược liệu.</p> <p>2/ - Ngày đại hội cổ đông 2009 là 27/3/2010, kế hoạch chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên 2009</p> <p>3/ - Cổ tức 2009 là 20%</p> <p>4/ Năm 2010:</p> <p>- Doanh thu thuần tăng trưởng 12%</p> <p>- LNTT tăng trưởng 25%</p> <p>- Cổ tức : 20% (đại hội cổ đông 2009 đã chỉnh lại 22%)</p> <p>5/ - Chủ trương thành lập chi nhánh ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Tây Nguyên.</p> <p>- Chủ trương xin mua lại vốn Nhà Nước ở Xí nghiệp in Đồng Tháp.</p>
04 /NQ- HDQT	27/01/2010	<p>- Bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh Chi nhánh Công ty CP XNK Y tế DOMESCO tại Hải Dương: Mua bán thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng</p> <p>- Thông qua tài liệu liên quan tiện ích tín dụng [Hai triệu] USD (“tiện ích”) và giao dịch đảm bảo kèm theo giữa DOMESCO và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam.</p>
05/NQ- HDQT	20/03/2010	<p>- Thông qua tài liệu đại hội cổ đông thường niên 2009 (ngày 27/03/2010)</p> <p>- Xác định tổng quỹ lương 2010: 7,9% doanh thu</p>
06/NQ- HDQT	27/4/2010	<p>- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Tiền làm giám đốc Chi nhánh Miền Đông của Công ty thay thế cho Ông Nguyễn Hữu Nghi, đồng thời bổ sung ngành nghề cho chi nhánh: Mua bán thực phẩm chức năng</p> <p>- Thành lập Văn phòng đại diện tại tỉnh Đaklak. Địa chỉ: Số 9A, đường Hùng Vương, P. Tự An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đak Lak</p>
07/NQ- HDQT	12/5/2010	<p>- Thống nhất chủ trương thành lập Công ty TNHH một thành viên 100% vốn DOMESCO chuyên cung cấp nguyên liệu là nông sản và dược liệu.</p> <p>- Thời gian chi trả cổ tức đợt 2/2009: tháng 6/2010.</p>
08/NQ- HDQT	15/7/2010	<p>Ủy quyền cho Ông Huỳnh Trung Chánh – TGD được vay thế chấp tài sản Máy sắc ký lỏng ghép khối phổ LC MSMS với EXIMBANK Sở giao dịch 1, số tiền 10.350.000.000 đ</p>
09/NQ- HDQT	5/8/2010	<p>1/Hội đồng quản trị chấp thuận ủy quyền cho Tổng Giám đốc phê duyệt đối với việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình:</p> <p>- Phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình và phê duyệt dự án/báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với công trình có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng như:</p> <p>+ Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình</p>

		<p>+ Quyết định phê duyệt dự án (đối với công trình xây dựng có tổng mức đầu tư trên 15 tỷ, không bao gồm tiền sử dụng đất)</p> <p>+ Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với công trình xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ, không bao gồm tiền sử dụng đất).</p> <p>- Phê duyệt điều chỉnh dự án mà việc điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu và vượt tổng mức đầu tư ban đầu nhưng tổng mức đầu tư điều chỉnh không vượt 10%.</p> <p>2/ Hội đồng quản trị chấp thuận ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt đối với công tác đấu thầu mua sắm hàng hóa, xây dựng cơ bản, dịch vụ tư vấn ngoài dự án:</p> <p>- Hội đồng quản trị chấp thuận cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt hình thức lựa chọn nhà thầu, quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu/kế hoạch đấu thầu điều chỉnh đối với các gói thầu được tổ chức theo đúng quy định của pháp luật; phê duyệt giá gói thầu điều chỉnh trong trường hợp giá dự thầu vượt giá gói thầu dưới 20%.</p> <p>- Trường hợp việc lựa chọn hình thức đấu thầu không thể tổ chức theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định 85/2009/NĐ-CP thì Tổng Giám đốc phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị.</p> <p>3/ Bổ sung vào Quy chế quản lý tài chính nội dung: Tổng Giám đốc được quyết định phương thức nhượng bán tài sản, thanh lý tài sản cố định có giá trị còn lại được ghi trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng theo tinh thần Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/2/2009.</p> <p>4/ Hủy việc liên kết với Công ty Dược và VTYT Đắk Lắk trong việc thành lập Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dược phẩm Tây Nguyên.</p> <p>5/ Giao cho Tổng Giám đốc được quyết định mức lương của các cấp quản lý trung gian theo vị trí, trách nhiệm tương đương với mặt bằng các Công ty dược khác.</p>
10/NQ-HĐQT	5/11/2010	<p>1/ Thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Cty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC): dừng triển khai hoán đổi cổ phiếu giữa DOMESCO và SCIC ở Cty CP Dược và VTYT Đaklak, Cty CP Dược VTYT Tây Ninh, Cty CP Dược VTYT Bình Thuận, Cty CP Dược phẩm Bạc Liêu.</p> <p>HĐQT Thống nhất chủ trương bán cổ phiếu quỹ của DOMESCO sử dụng vào phương án có lợi nhất cho Công ty nhưng phải chọn thời điểm thích hợp, trước khi sử dụng sẽ thông qua HĐQT.</p> <p>2/ Chọn Công ty CP CK TPHCM (HSC) làm đơn vị tư vấn hỗ trợ IR</p> <p>3/ Chủ trương thành lập Chi nhánh ở Thái Nguyên và Chi nhánh ở Đồng bằng Sông Hồng</p> <p>4/ Bổ sung nội dung quy chế quản trị Tài chính:</p> <p><u>Điều 9:</u> Đầu tư vốn ra ngoài Công ty</p>

		<p>Khoản 4. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài công ty:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị từ bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính năm trước đó.</p> <p><u>Điều 14.</u> Nhượng bán tài sản, thanh lý tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.</p> <p>Khoản 4. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản cố định ghi trên sổ kế toán nhượng bán, thanh lý dưới 100 triệu đồng thì Tổng giám đốc được quyền quyết định thanh lý và lựa chọn phương thức bán phù hợp nhưng không được thấp hơn giá thị trường.</p> <p>5/ Dự thảo chỉ tiêu tăng trưởng 2011.</p> <p>6/ Hủy việc thực hiện dự án: liên kết thành lập Nhà máy Đông được DC 26</p>
11/NQ-HDQT	5/11/2010	HDQT ủy quyền cho TGD ký kết các tài liệu giao dịch liên quan hợp đồng tiện ích tín dụng với Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hiện tại, công ty duy trì việc cung cấp thông tin cập nhật cho nhà đầu tư thông qua các kênh công bố thông tin sau:

- Website công ty: www.domesco.com
- Website của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM: www.hsx.vn
- Các phương tiện thông tin đại chúng: báo, đài

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Ngoài những công tác trên Công ty rất quan tâm đến Công tác xã hội như: tổ chức khám và phát thuốc miễn phí cho người nghèo, gia đình chính sách; tặng quà cho trẻ em bị nhiễm chất độc da cam, cật nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách; ủng hộ đồng bào miền trung bị lũ lụt đặc biệt trong năm 2010 Công ty còn tổ chức chương trình “Thắp sáng ước mơ” là chương trình tặng học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo học giỏi vượt khó,... tổng số tiền đóng góp cho công tác xã hội năm 2010 số tiền là 3.652.598.106 đồng.

Ngoài ra, công ty còn tổ chức các hoạt động ủng hộ các Ban, Ngành, tặng quà cho các gia đình nghèo, trẻ em mồ côi... nhân các dịp lễ, tết. Công ty đã đóng góp vào các quỹ như:

- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa : 54.479.750 đồng
- Quỹ Mái ấm công đoàn : 38.520.000 đồng

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2010, Công ty không có đợt tăng vốn điều lệ nào.

Tổng số cổ phần hiện tại: 17.809.336 cổ phần thường. Không có cổ phần ưu đãi.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 17.503.519 cổ phiếu.

Công ty hiện có 305.817 cổ phiếu quỹ.

Tỷ lệ trả cổ tức năm 2010 là 22% trên vốn điều lệ.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn (so sánh với năm 2009)

STT	Người thực hiện	Quan hệ Cổ đông	Số CP sở hữu đầu kỳ	Số CP sở hữu cuối kỳ
1	Deutsche Bank Aktiengesellschaft, và Deutsche Investment Management America Inc	Cổ đông lớn	846.351 (4,84%)	894.431 (5,02%)
2	Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bán Việt	Cổ đông lớn	1.348.438 (7,57%)	1.212.248 (6,81%)
3	Viet Nam Dragon Fund Limited	Người có liên quan thành viên HĐQT Trịnh Hoài Giang	1.241.246 (7,09%)	-
4	Dragon Capital Vietnam Mother Fund	Cổ đông lớn	-	1.241.246 (7,09%)

Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 25-02-2011

STT	Cổ đông	Số lượng	Sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Cổ đông trong nước	1,522	10,700,548	60.08%	
	Tổ chức	56	8,528,942	47.89%	
	- Cổ đông nhà nước (SCIC)	1	6,181,778	34.71%	
	- Cổ đông thường	55	2,347,164	13.18%	
	Cá nhân	1,466	2,171,606	12.19%	
2	Cổ đông nước ngoài	192	6,802,971	38.20%	
	Tổ chức	29	6,703,993	37.64%	
	Cá nhân	163	98,978	0.56%	
3	Cổ phiếu Quỹ	1	305,817	1.72%	
	Tổng cộng	1,715	17,809,336	100%	

Tp Cao Lãnh, Ngày 08 tháng 04 năm 2011



Nguyễn Trung Chánh

PHỤ LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2010

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 51030000015 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, với vốn điều lệ là 178.093.360.000 đồng, cụ thể như sau:

<i>Cổ đông góp vốn</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số tiền VND</i>	<i>%</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	6.181.778	61.817.780.000	34,7
Cổ đông khác	11.627.558	116.275.580.000	65,3
Cộng	17.809.336	178.093.360.000	100

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Huỳnh Trung Chánh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Công Toàn	Thành viên
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Trịnh Hoài Giang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Văn phòng đại diện của Công ty được đặt tại số 37 đường Thành Thái, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh và tại số 9A đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Đồng Tháp đặt tại số 32, đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại lô A 325B-325C, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội ở số 23N7A, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại lô 23-24B20, Khu tái định cư Thanh Lộc Đán, Hòa Minh mở rộng, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Vinh đặt tại số 159 đường Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 1 ở Khu công nghiệp Tân Tạo, lô 24A-24B đường Trung Tâm, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 2 đặt tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Miền Đông số R65 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Hải Dương số 77 Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm - thực phẩm thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc.

Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

9. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



HUỲNH TRUNG CHÁNH

Chủ tịch

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Số: 00087.HCM/65.10

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có



VŨ THỊ THỌ**Tổng Giám Đốc**

Chứng chỉ KTV số Đ.0065/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

BÙI TUYẾT VÂN**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		436.617.528.961	404.665.893.574
Tiền và tương đương tiền	110	4.1	41.392.630.785	22.821.815.791
Tiền	111		41.392.630.785	22.821.815.791
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		185.120.424.859	200.928.442.790
Phải thu khách hàng	131	4.2	178.312.460.440	194.073.520.045
Trả trước cho người bán	132		8.383.145.351	9.088.206.432
Các khoản phải thu khác	135	4.3	4.485.642.016	4.024.193.997
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.060.822.948)	(6.257.477.684)
Hàng tồn kho	140	4.4	199.460.540.525	167.376.698.750
Hàng tồn kho	141		199.460.540.525	167.376.698.750
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.643.932.792	13.538.936.243
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	3.355.361.128	3.569.235.062
Thuế GTGT được khấu trừ	152		960.841.582	3.006.508.826
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	6.327.730.082	6.963.192.355
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.190.987.708	305.311.235.452
Tài sản cố định	220		242.938.886.127	222.070.055.976
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	181.295.165.767	130.454.112.474
Nguyên giá	222		276.897.851.546	204.968.122.293
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.602.685.779)	(74.514.009.819)
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	38.154.107.719	37.979.161.872
Nguyên giá	228		38.952.756.997	38.437.473.245
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(798.649.278)	(458.311.373)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	23.489.612.641	53.636.781.630
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		84.033.180.000	78.213.960.000
Đầu tư vào công ty con	251	4.10	4.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.11	73.570.200.000	73.570.200.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.12	5.962.980.000	4.643.760.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.218.921.581	5.027.219.476
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.13	3.218.921.581	5.027.219.476
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		766.808.516.669	709.977.129.026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		220.316.632.699	212.724.432.774
Nợ ngắn hạn	310		195.047.112.250	197.575.918.877
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.14	112.982.981.362	70.819.739.361
Phải trả người bán	312	4.15	42.640.270.151	72.396.892.281
Người mua trả tiền trước	313		1.779.555.838	8.783.936.312
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.16	12.138.683.380	19.090.924.929
Phải trả người lao động	315		10.233.953.653	16.885.274.946
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.17	10.485.221.534	4.947.439.876
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.18	4.786.446.332	4.651.711.172
Nợ dài hạn	330		25.269.520.449	15.148.513.897
Phải trả dài hạn khác	333	4.19	931.249.931	3.417.660.752
Vay và nợ dài hạn	334	4.20	24.084.901.700	11.541.101.700
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.21	253.368.818	189.751.445
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		546.491.883.970	497.252.696.252
Vốn chủ sở hữu	410	4.22	546.491.883.970	497.252.696.252
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		178.093.360.000	178.093.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		229.275.000.000	229.275.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.737.386.415)	(15.737.386.415)
Quỹ đầu tư phát triển	417		58.236.641.879	33.053.413.153
Quỹ dự phòng tài chính	418		14.225.821.980	10.560.423.609
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		82.398.446.526	62.007.885.905
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		766.808.516.669	709.977.129.026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Ngoại tệ các loại			
USD		6.120,00	68.620,63
EUR		-	15.120,47
GBP		-	0,39



HUỲNH TRUNG CHÁNH
Tổng Giám đốc

PHẠM NGỌC TUYẾN
Kế toán trưởng

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.113.098.646.568	1.071.895.125.105
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	69.659.148.720	3.997.822.113
Doanh thu thuần	10	5.3	1.043.439.497.848	1.067.897.302.992
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.4	728.277.573.025	750.295.758.943
Lợi nhuận gộp	20		315.161.924.823	317.601.544.049
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.5	7.918.126.468	7.410.029.139
Chi phí tài chính	22	5.6	20.038.179.147	6.714.971.345
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.033.238.359</i>	<i>5.153.557.779</i>
Chi phí bán hàng	24	5.7	98.653.855.931	120.152.210.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.8	91.096.086.944	93.890.709.242
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		113.291.929.269	104.253.682.386
Thu nhập khác	31	5.9	98.791.761	12.973.462.864
Chi phí khác	32	5.10	3.013.732	5.039.081.288
Lợi nhuận khác	40		95.778.029	7.934.381.576
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		113.387.707.298	112.188.063.962
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	30.596.072.576	35.825.597.903
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		82.791.634.722	76.362.466.059
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.12	4.730	4.349

0300
CÔ
ACH N
B
VIỆT
TP



Handwritten signature in blue ink.

HUỖNH TRUNG CHÁNH
Tổng Giám đốc

PHẠM NGỌC TUYẾN
Kế toán trưởng

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	113.387.707.298	112.188.063.962
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.457.920.320	18.054.891.706
Các khoản dự phòng / (hoàn nhập)	03	-	(2.168.168.076)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	953.605.181	569.969.388
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.167.927.771)	(7.019.180.251)
Chi phí lãi vay	06	14.033.238.359	5.153.557.779
Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động	08	147.664.543.387	126.779.134.508
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	19.120.961.252	(62.298.527.046)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(51.401.560.995)	(14.823.897.882)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(39.562.974.636)	(1.512.920.631)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	5.542.961.921	(3.196.731.043)
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.033.238.359)	(5.097.695.767)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(38.876.280.357)	(25.095.660.054)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.613.460.864
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(15.867.866.140)	(12.439.696.241)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.586.546.073	4.927.466.708
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(27.567.961.851)	(54.917.211.311)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	8.399.545	12.818.681.818
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.540.500.000)	(295.860.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	417.020.000	11.919.147.100
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.500.000.000)	(4.570.200.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.963.788.226	3.509.886.275
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.219.254.080)	(31.535.556.118)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(4.812.195.330)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	233.176.197.892	193.531.731.169
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(178.469.155.891)	(144.891.117.103)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.503.519.000)	(27.034.458.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.203.523.001	16.793.960.736

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	18.570.814.994	(9.814.128.674)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.821.815.791	32.635.944.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	41.392.630.785	22.821.815.791



[Handwritten signature]

HUYNH TRUNG CHÁNH
Tổng Giám đốc

PHẠM NGỌC TUYẾN
Kế toán trưởng

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 51030000015 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc.

Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Văn phòng đại diện của Công ty được đặt tại số 37 đường Thành Thái, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh và tại số 9A đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Đồng Tháp đặt tại số 32, đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại lô A 325B-325C, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội ở số 23N7A, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại lô 23-24B20, Khu tái định cư Thanh Lộc Đán, Hòa Minh mở rộng, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Vinh đặt tại số 159 đường Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 1 ở Khu công nghiệp Tân Tạo, lô 24A-24B đường Trung Tâm, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 2 đặt tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Miền Đông số R65 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

- Chi nhánh Hải Dương số 77 Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên của Công ty là 1.305 người, trong đó số nhân viên quản lý là 60 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng số nhân viên là 1.246, trong đó nhân viên quản lý là 59 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: nhật ký - chứng từ

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 năm - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 năm - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm - 10 năm
TSCĐ khác	3 năm - 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá TSCĐ vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	47 năm, vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	3 năm

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

0044
CÔNG
NHÌEM
BD
ETN
P. HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.8 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên năm mươi phần trăm (50%) quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể, thường nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) quyền biểu quyết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp *giá gốc*. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư trái phiếu, cổ phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết),... và thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ (-) đi giá trị đã phân bổ lũy kế.

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, trong đó:

Công cụ dụng cụ	3 năm
Thuê cửa hàng, văn phòng	2 năm - 10 năm
Chi phí sửa chữa	2 năm

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

399-
TY
HỮU
)
AM
CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.11 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập vào cuối năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003. Mức trích lập quỹ 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

3.13 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

3.14 Chi phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.15 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các mặt hàng thuốc do Công ty sản xuất và kinh doanh chịu thuế suất 5%. Nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng và rượu chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Ưu đãi thuế TNDN

Đối với hoạt động sản xuất thuốc, Công ty được áp dụng thuế suất 20% (hai mươi phần trăm) trong 10 (mười) năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Đối với hoạt động khác, Công ty áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành và thuế suất thuế TNDN hiện hành; và các điều chỉnh thuế TNDN của các giai đoạn trước vào thuế thu nhập giai đoạn hiện hành. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay chi phí không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty và người lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động với các tỷ lệ như sau:

	<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>Cộng</i>
Công ty	16,0%	3,0%	1,0%	20,0%
Người lao động	6,0%	1,5%	1,0%	8,5%
Cộng	22,0%	4,5%	2,0%	28,5%

3.17 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

3.19 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện hành nhằm tuân thủ theo Thông tư số 244/TT/BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	(VND)	(VND)
Tiền mặt - VND	3.891.363.945	5.195.817.161
Tiền gửi ngân hàng	(i) 37.501.266.840	17.625.998.630
	<u>41.392.630.785</u>	<u>22.821.815.791</u>

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

	<i>Ngoại tệ</i>	<i>VND</i>
VND	-	37.381.920.794
USD	6.120,00 #	119.346.046
		<u>37.501.266.840</u>

4.2 Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	(VND)	(VND)
Bên liên quan	53.550.000	330.538.772
Bên thứ ba	178.258.910.440	193.742.981.273
	<u>178.312.460.440</u>	<u>194.073.520.045</u>

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	(VND)	(VND)
Thuế thu nhập cá nhân	1.394.925.408	458.824.145
Chi hộ tiền điện, nước cho Công ty Xây Dựng 319 - Bộ quốc phòng	52.425.000	52.425.000
Công ty Bình Minh Đồ	36.750.000	-
Chi hộ chi phí quảng cáo Công ty TNHH Hóa Dược Đông Á	59.970.071	59.970.071
Nhà máy sản xuất cồn- Công ty Domenol	154.239.750	-
Chiết khấu mua hàng - Công ty Hisamitsu	2.087.269.787	1.467.499.172
Phải thu khác	(i) 700.062.000	1.985.475.609
	<u>4.485.642.016</u>	<u>4.024.193.997</u>

(i) Đây là khoản phải thu lại các cá nhân đã nhận chuyển quyền mua lại nhà từ Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp là 665.982.000 đồng. Vào năm 2007, Công ty đã ứng cho Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp để đăng ký mua nhà phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng trong năm 2008, Công ty thay đổi nhu cầu sử dụng nên đã chuyển quyền mua nhà lại cho các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Hàng mua đang đi đường	605.572.500	2.542.255.930
Nguyên liệu, vật liệu	62.619.223.164	29.976.744.703
Công cụ, dụng cụ	8.280.833.794	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.346.096.949
Thành phẩm	74.556.397.219	46.328.156.881
Hàng hóa	53.273.356.072	86.183.444.287
Hàng gửi đi bán	125.157.776	-
	<u>199.460.540.525</u>	<u>167.376.698.750</u>

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Công cụ dụng cụ ở xưởng	2.980.813.307	1.834.584.933
Công cụ dụng cụ ở văn phòng	374.547.821	895.084.609
Chi phí khác	-	839.565.520
	<u>3.355.361.128</u>	<u>3.569.235.062</u>

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Tạm ứng	4.310.858.140	1.782.174.504
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.016.871.942	5.181.017.851
	<u>6.327.730.082</u>	<u>6.963.192.355</u>

0044
 CÔNG
 NHÌA
 BD
 Ệ T N
 P. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.7 Tàng giám tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2010	104.533.557.573	74.914.005.852	16.820.765.437	8.699.793.431	204.968.122.293
Mua trong kỳ	929.030.197	-	2.822.843.000	458.972.800	4.210.845.997
Đầu tư XDCB	30.576.759.259	35.038.297.417	112.102.546	2.066.957.193	67.794.116.415
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.789.359)	-	(35.443.800)	(75.233.159)
31/12/2010	136.039.347.029	109.912.513.910	19.755.710.983	11.190.279.624	276.897.851.546
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2010	22.015.829.969	42.912.228.200	5.957.642.879	3.628.308.771	74.514.009.819
Chi phí khấu hao	5.939.218.170	10.794.929.859	2.542.289.555	1.841.144.831	21.117.582.415
Khấu hao của TS hình thành từ quỹ phúc lợi	46.326.704	-	-	-	46.326.704
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.789.359)	-	(35.443.800)	(75.233.159)
31/12/2010	28.001.374.843	53.667.368.700	8.499.932.434	5.434.009.802	95.602.685.779
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2010	82.517.727.604	32.001.777.652	10.863.122.558	5.071.484.660	130.454.112.474
31/12/2010	108.037.972.186	56.245.145.210	11.255.778.549	5.756.269.822	181.295.165.767
<i>Trong đó:</i>					
Giá trị còn lại của tài sản thế chấp, cầm cố	25.295.243.355	13.579.309.074	-	-	38.874.552.429
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn đang sử dụng	9.849.741.572	20.250.813.165	2.951.731.880	1.788.389.965	34.840.676.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2010	37.740.255.117	697.218.128	38.437.473.245
Mua trong kỳ	-	515.283.752	515.283.752
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2010	37.740.255.117	1.212.501.880	38.952.756.997
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2010	179.424.123	278.887.250	458.311.373
Khấu hao trong kỳ	179.424.124	160.913.781	340.337.905
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2010	358.848.247	439.801.031	798.649.278
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2010	37.560.830.994	418.330.878	37.979.161.872
31/12/2010	37.381.406.870	772.700.849	38.154.107.719
<i>Trong đó:</i>			
GTCL của TS thế chấp, cầm cố	16.596.731.415	-	16.596.731.415



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật - KCN Cần Lố	177.426.958	163.174.217
Tổng kho II - Tân Tạo	13.889.626.195	13.889.626.195
<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>12.929.673.517</i>	<i>12.929.673.517</i>
<i>Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ</i>	<i>959.952.678</i>	<i>959.952.678</i>
Nhà máy sản xuất thuốc nguồn gốc dược liệu (i)	359.629.327	36.657.207.326
Nhà máy SX thuốc viên- cốm-bột	153.939.091	153.939.091
Chi nhánh Vinh	99.985.575	17.057.000
Nhà máy bao bì DOMEPACK (KCN Tân Tạo)	373.642.500	373.642.500
Hệ thống xử lý nước thải	1.752.663.784	171.261.055
Nhà máy cốm DOMENOL	-	145.393.300
Đất trồng dược liệu	983.312.054	983.310.060
Khu bảo tồn, khai thác, nuôi trồng thu mua dược liệu tại Gò Tháp	255.231.564	255.231.564
Khu bảo tồn, khai thác, nuôi trồng thu mua dược liệu tại Tri Tôn-An Giang	200.371.287	-
Công trình nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	405.311.576	-
Công trình NM SX Thuốc Nonbetalactam - Kem, Mỡ, Nước.	120.844.091	-
Công trình nhánh rẽ trung thế 3P-22KV & Trạm biến áp 3P-1600KVA (GD1)	1.176.875.742	-
Công trình hạ tầng kỹ thuật	2.865.377.131	-
Khác	675.375.766	826.939.322
	23.489.612.641	53.636.781.630

- (i) Quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp (xem chi tiết ở thuyết minh 4.20 (i)).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.10 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số dư (VND)	Tỷ lệ (%)	Số dư (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Domenol	(i) 4.500.000.000	45	-	-
	4.500.000.000		-	

- (i) Công ty TNHH Domenol theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1401164085 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 70% vốn điều lệ. Hoạt động chính của DOMENOL là sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu các hóa chất cơ bản và các sản phẩm hóa chất khác phục vụ cho việc sản xuất công nghiệp; sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu rượu vang, rượu mạnh các loại, pha chế rượu mạnh các loại; sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn, nước khoáng, nước uống đóng chai, đóng bình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.11 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

		31/12/2010	01/01/2010
		(VND)	(VND)
Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC)	(i)	13.570.200.000	13.570.200.000
Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL)	(ii)	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO)	(iii)	20.000.000.000	20.000.000.000
		73.570.200.000	73.570.200.000

- (i) Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 1,35 triệu cổ phiếu, tương đương 22,5% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domedic là khám và chữa bệnh, bán lẻ thuốc thành phẩm.
- (ii) Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 125 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 4 triệu cổ phiếu, tương đương 32% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domenal là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y; thuốc thú y thủy sản; thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; các loại hóa chất và thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- (iii) Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của VIPACO là sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh và kinh doanh bao bì nhựa.

300
CÓN
H NH
BI
ET
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.12 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Cổ phiếu	(i) 5.962.980.000	4.630.560.000
Trái phiếu chính phủ	-	13.200.000
	5.962.980.000	4.643.760.000

(i) Bao gồm	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu	Giá mua bình quân	31/12/2010
				(VND)
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPV	100.000	100	100.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	10.000	47.000	13.319	626.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bình Thuận	100.000	28.450	184.155	5.239.200.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	100.000	798	110.000	87.780.000
				5.962.980.000

4.13 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Công cụ dụng cụ	1.795.050.602	3.468.115.547
Thuê cửa hàng, văn phòng	1.348.870.979	95.271.000
Chi phí quảng cáo	75.000.000	-
Chi phí sửa chữa	-	1.463.832.929
	3.218.921.581	5.027.219.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.14 Vay và nợ ngắn hạn

		31/12/2010	01/01/2010
		(VND)	(VND)
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	(i)	62.451.007.612	36.691.739.361
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	(ii)	11.672.973.750	-
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	(iii)	22.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Domenal		-	10.000.000.000
Vay cá nhân, tổ chức khác	(iv)	7.781.000.000	40.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp	(v)	9.078.000.000	4.088.000.000
		112.982.981.362	70.819.739.361

- (i) Đây là khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với lãi suất từ 9,9%/năm đến 11,4%/năm, thời hạn vay 12 tháng, được sử dụng để thanh toán tiền hàng.
- (ii) Đây là khoản vay tín chấp từ 1 đến 6 tháng với lãi suất cho vay VND 12%/năm và cho vay USD 4,4%/năm.
- (iii) Đây là khoản vay tín chấp với lãi suất 9,5%/năm
- (iv) Đây là khoản vay tín chấp cá nhân không kỳ hạn với lãi suất 1%/tháng.
- (v) Đây là khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (xem chi tiết ở thuyết minh số 4.20 (i))

4.15 Phải trả người bán

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Bên liên quan	146.114.540	32.692.000
Bên thứ ba	42.494.155.611	72.364.200.281
	42.640.270.151	72.396.892.281



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.515.570.088	2.063.567.113
Thuế tiêu thụ đặc biệt	50.412.424	4.870.535
Thuế xuất nhập khẩu	39.357.196	222.747.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.090.608.988	16.370.816.769
Thuế thu nhập cá nhân	1.372.106.990	364.377.831
Thuế tài nguyên	1.850.808	1.683.808
Các loại thuế khác	68.776.886	62.861.722
	<u>12.138.683.380</u>	<u>19.090.924.929</u>

4.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	3.159.120.968	2.400.528.837
Bảo hiểm xã hội	292.130.082	116.591.454
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.355.490.860	925.898.735
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	63.154.839	143.154.839
Cổ tức	33.160.000	33.160.000
Sở Y Tế Lâm Đồng	302.947.785	897.500.285
Đại học Y Dược	178.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	101.217.000	430.605.726
	<u>10.485.221.534</u>	<u>4.947.439.876</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.18 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng (VND)	Quỹ phúc lợi (VND)	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ (VND)	Cộng (VND)
01/01/2010	277.369.297	313.842.579	4.060.499.296	4.651.711.172
Trích lập quỹ	5.500.000.000	6.496.195.112	-	11.996.195.112
Thu tiến khác	-	10.454.500	-	10.454.500
Chi liên hoan tết Dương Lịch	-	(111.362.800)	-	(111.362.800)
Chi sinh nhật Công ty (19/5)	(241.300.000)	-	-	(241.300.000)
Chi Tết Nguyên Đán	(4.900.000.000)	-	-	(4.900.000.000)
Chi quà tặng khách hàng	-	(1.495.181.900)	-	(1.495.181.900)
Chi phúc lợi cho người lao động	-	(3.044.081.633)	-	(3.044.081.633)
Khấu hao	-	-	(46.326.704)	(46.326.704)
Chi khám bệnh	-	(352.361.344)	-	(352.361.344)
Bồi dưỡng, đào tạo	-	(1.437.807.287)	-	(1.437.807.287)
Chi thể thao	-	(89.569.000)	-	(89.569.000)
Chi khác	(153.923.784)	-	-	(153.923.784)
31/12/2010	482.145.513	290.128.227	4.014.172.592	4.786.446.332

4.19 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	931.249.931	3.417.660.752
	931.249.931	3.417.660.752



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.20 Vay và nợ dài hạn

		31/12/2010	01/01/2010
		(VND)	(VND)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Đồng Tháp	(i)	14.597.401.700	11.541.101.700
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	(ii)	9.487.500.000	-
		<u>24.084.901.700</u>	<u>11.541.101.700</u>

- (i) Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp có hạn mức 28.537.000.000 đồng, với lãi suất từ 6,9%/năm, thời hạn 5 năm kể từ tháng 6 năm 2009, nhằm đầu tư Nhà máy chiết xuất nguyên liệu-dược liệu, với tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy chiết xuất nguyên liệu-dược liệu.
- (ii) Đây là khoản vay dài hạn bằng VND từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam trong thời hạn 60 tháng chịu lãi suất là 13,5%/năm để chuyển trả đợt 2 tiền mua Máy sắc ký lỏng ghép khối phổ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

4.21 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

		31/12/2010	01/01/2010
		(VND)	(VND)
Số dư đầu năm		189.751.445	154.395.736
- Trích lập		180.997.223	44.755.509
- Chi trong kỳ		(117.379.850)	(9.399.800)
Số dư cuối năm		<u>253.368.818</u>	<u>189.751.445</u>

5,0044E
ÔNG
HÀNH
BDO
ÉT N
TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.22 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2009	137.699.990.000	229.275.000.000	(10.925.191.085)	59.962.318.020	7.557.455.320	47.522.387.635	471.091.959.890
Tăng vốn trong năm trước	40.393.370.000	-	-	(40.393.370.000)	-	-	-
Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trước	-	-	-	-	-	76.362.466.059	76.362.466.059
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.812.195.330)	-	-	-	(4.812.195.330)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.815.882.015)	(1.815.882.015)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.688.945.355	3.002.968.289	(15.688.945.355)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	(3.002.968.289)	(3.002.968.289)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.208.904.866)	(9.208.904.866)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(27.034.458.000)	(27.034.458.000)
Thuởng cán bộ, nhân viên	-	-	-	(2.204.480.222)	-	(4.818.549.264)	(4.818.549.264)
Giám khác	-	-	-	-	-	(307.260.000)	(2.511.740.222)
01/01/2010	178.093.360.000	229.275.000.000	(15.737.386.415)	33.053.413.153	10.560.423.609	62.007.885.905	497.252.696.252
Kết quả hoạt động trong kỳ	-	-	-	-	-	82.791.634.722	82.791.634.722
Thù lao Hội đồng Quản trị 2009	-	-	-	-	-	(503.246.685)	(503.246.685)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	27.678.395.933	-	(27.678.395.933)	-
Trích quỹ dự phòng TC	-	-	-	-	3.665.398.371	(3.665.398.371)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.996.195.112)	(11.996.195.112)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(17.503.519.000)	(17.503.519.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị 2010	-	-	-	-	-	(883.069.000)	(883.069.000)
Chi đảo tạo	-	-	-	(2.495.167.207)	-	-	(2.495.167.207)
Giám khác	-	-	-	-	-	(171.250.000)	(171.250.000)
31/12/2010	178.093.360.000	229.275.000.000	(15.737.386.415)	58.236.641.879	14.225.821.980	82.398.446.526	546.491.883.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	407.368.360.000	366.974.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	40.393.370.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	407.368.360.000	407.368.360.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	17.503.519.000	27.034.458.000

Cổ tức

Công ty đã công bố cổ tức của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 10%. Trong năm 2010, Công ty đã chi trả cổ tức của năm 2009 là 17.503.519.000 đồng (4.880,67 đồng/cổ phiếu).

Cổ tức cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2011.

Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.809.336	17.809.336
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.809.336	17.809.336
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(305.817)	(305.817)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.503.519	17.503.519
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu**

	Năm 2010	Năm 2009
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán hàng hóa	401.672.573.790	473.641.444.906
Doanh thu sản xuất thuốc	704.559.417.699	592.617.015.376
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	2.162.173.607	1.745.169.160
Doanh thu sản xuất rượu	471.063.285	372.486.329
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.233.418.187	3.519.009.334
	1.113.098.646.568	1.071.895.125.105

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010	Năm 2009
	(VND)	(VND)
Chiết khấu thương mại	66.053.011.182	-
Hàng bán bị trả lại	3.462.149.820	3.997.822.113
Thuế tiêu thụ đặc biệt	143.987.718	-
	69.659.148.720	3.997.822.113

5.3 Doanh thu thuần

	Năm 2010	Năm 2009
	(VND)	(VND)
Doanh thu thuần	1.043.439.497.848	1.067.897.302.992

5.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2010	Năm 2009
	(VND)	(VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	365.772.647.505	427.643.083.617
Giá vốn sản xuất thuốc	361.065.992.695	321.713.339.867
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	1.148.281.875	778.026.651
Giá vốn sản xuất rượu	290.650.950	161.308.808
	728.277.573.025	750.295.758.943

5.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	508.439.226	564.485.775
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.455.349.000	2.945.400.500
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	195.740.000	12.359.980
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.637.954.836	3.545.533.879
Chiết khấu	3.080.855.517	327.835.023
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.787.889	14.413.982
	7.918.126.468	7.410.029.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.6 Chi phí tài chính

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Lãi tiền vay	14.033.238.359	5.153.557.779
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	825.372.918	815.580.866
Lỗ từ chuyển nhượng chứng khoán	-	4.294.851.133
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.130.335.243	3.043.644.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	953.605.181	569.969.388
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	(6.119.156.000)
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(1.050.000.000)
Chi phí tài chính khác	95.627.446	6.524.176
	20.038.179.147	6.714.971.345

5.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Chi phí vật liệu, bao bì	2.225.492.561	7.607.087.568
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.921.453.216	2.806.481.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.318.305.741	105.745.525.659
Chi phí khác bằng tiền	2.188.604.413	3.993.115.440
	98.653.855.931	120.152.210.215

5.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	54.896.177.552	59.046.174.879
Chi phí vật liệu quản lý	1.282.039.899	1.118.988.646
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.055.883.210	2.865.212.749
Thuế, phí và lệ phí	2,285.576.963	1,739.962.218
Chi phí dự phòng	-	5.000.987.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.888.006.524	8.565.411.454
Chi phí khác bằng tiền	13.688.402.796	15.553.971.372
	91.096.086.944	93.890.709.242

5.9 Thu nhập khác

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	8.399.545	500.000
Thu tiền bán hồ sơ thầu	36.777.997	18.181.819
Chiết khấu	53.614.219	-
Thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	12.818.181.818
Thu nhập khác	-	136.599.227
	98.791.761	12.973.462.864

3004
 ÔNG
 NIỆM H
 3DO
 C NAJ
 45 C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(iii) Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Công ty Cổ phần DOMENOL	Vốn góp	4.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	Vốn góp	13.570.200.000	13.570.200.000
	Vay	22.000.000.000	20.000.000.000
	Phải thu bán hàng	340.692.257	330.538.772
Công ty Cổ phần DOMENAL	Vốn góp	40.000.000.000	40.000.000.000
	Vay	-	10.000.000.000
	Phải thu bán hàng	53.550.000	-
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	Vốn góp	20.000.000.000	20.000.000.000
	Phải trả mua hàng	146.114.540	32.692.000



Handwritten signature in blue ink

HUYỀN TRUNG CHÁNH
Tổng Giám đốc

PHẠM NGỌC TUYẾN
Kế toán trưởng

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Nhà Máy Sản xuất Cồn DOMENOL



TỔNG KHO : GSP TẠI KCN CẦN LỘ - CAO LÃNH ĐỒNG THÁP







DOMESCO



■ **TRỤ SỞ CHÍNH (HEAD OFFICE):**

- Địa chỉ: 66 Quốc Lộ 30, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Address: 66 National road 30, My Phu Ward, Cao Lanh City, Dong Thap Province
- Email: domesco@domesco.com

- ĐT: 84.67.3852278 - 3859370
- Tel: 84.67.3852278 - 3859370
- Website: <http://www.domesco.com>

- Fax: 84.67.3851270
- Fax: 84.67.3851270

■ **VĂN PHÒNG II (OFFICE II):**

- Địa chỉ: 37 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Address: 37 Thanh Thai, Ward 14, Dist. 10, Ho Chi Minh City
- Email: tphcm@domesco.com & domesco@hcm.vnn.vn

- ĐT: 84.8.38655287 - 38654185
- Tel: 84.8.38655287 - 38654185

- Fax: 84.8.38650447
- Fax: 84.8.38650447